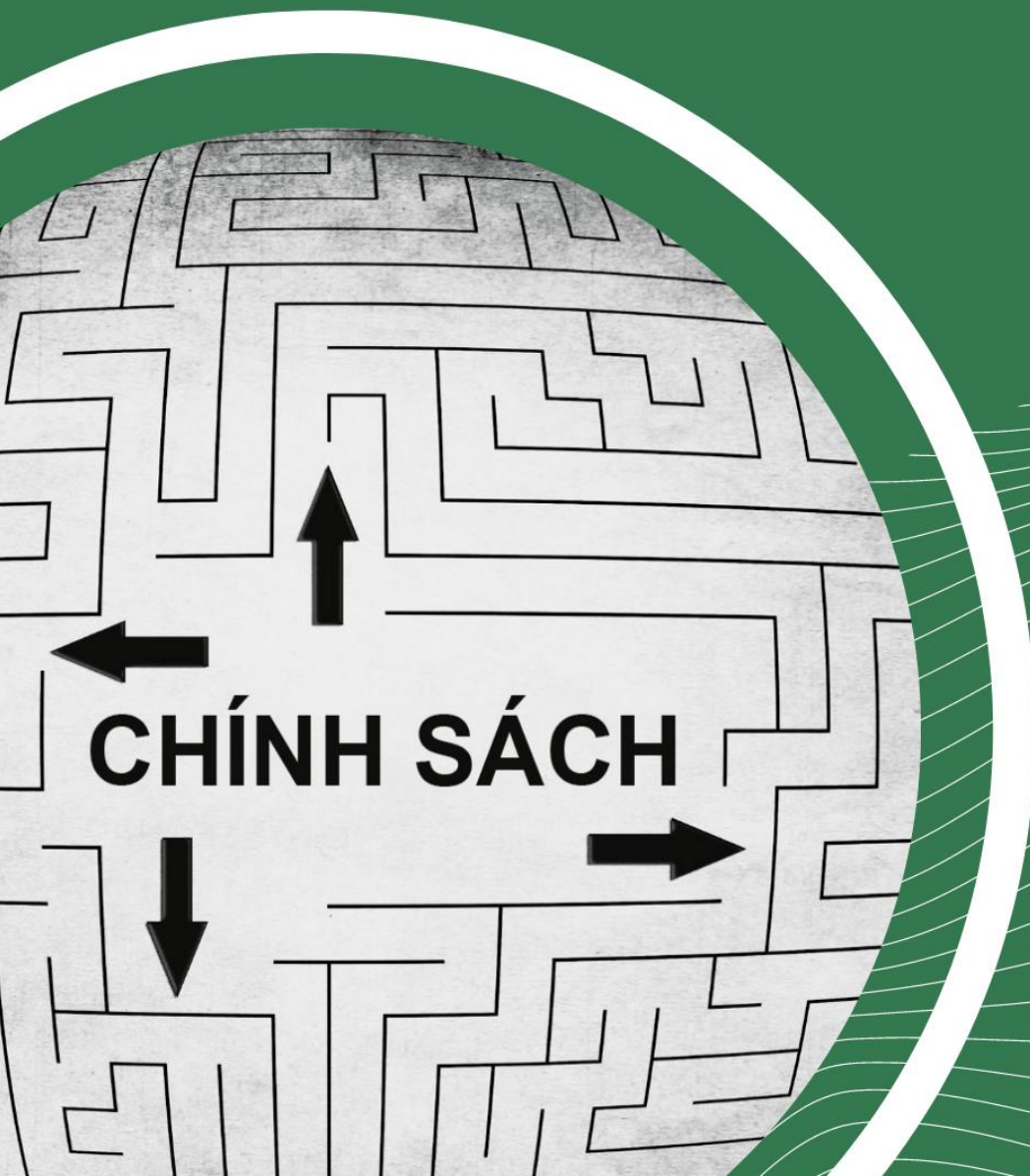




 UK Government

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH



# MỤC LỤC

<b>LỜI NÓI ĐẦU.....</b>	<b>4</b>
<b>PHẦN A – CƠ SỞ XÂY DỰNG CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH .....</b>	<b>6</b>
<b>1. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ PHẦN XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH .....</b>	<b>9</b>
<b>2. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ PHẦN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH .....</b>	<b>10</b>
2.1. Hướng dẫn đánh giá nội dung xác định vấn đề bất cập.....	11
2.2. Hướng dẫn đánh giá nội dung mục tiêu giải quyết vấn đề.....	12
2.3. Hướng dẫn đánh giá nội dung các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề.....	13
2.4. Hướng dẫn đánh giá nội dung đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan .....	14
2.4.1. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích tác động về kinh tế.....	14
2.4.2. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích tác động về xã hội.....	16
2.4.3. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích tác động về giới.....	17
2.4.4. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích tác động của thủ tục hành chính.....	19
2.4.5. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích tác động với hệ thống pháp luật .....	23
2.5. Hướng dẫn đánh giá nội dung kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề) .....	24
2.6. Hướng dẫn đánh giá sự phù hợp giữa nội dung của các chính sách với nhau và với phần xác định vấn đề bất cập tổng quan, và sự phù hợp giữa tên và nội dung của các chính sách .....	26
<b>3. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG Ý KIẾN THAM VẤN TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH.....</b>	<b>27</b>
<b>4. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ PHẦN GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH.....</b>	<b>28</b>
<b>5. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH.....</b>	<b>30</b>
<b>PHẦN B – BẢNG HỎI ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH.....</b>	<b>32</b>
<b>PHẦN C – CÁC PHỤ LỤC.....</b>	<b>49</b>
<b>PHỤ LỤC I – DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>50</b>
<b>PHỤ LỤC II – TỔNG HỢP MỘT SỐ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ PHÙ HỢP VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH.....</b>	<b>52</b>
<b>PHỤ LỤC III – BẢNG SO SÁNH PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG VÀ ĐỊNH TÍNH .....</b>	<b>56</b>

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Báo cáo ĐGTĐCS	Báo cáo Đánh giá tác động của chính sách
ĐGTĐ	Đánh giá tác động
ĐGTĐCS	Đánh giá tác động của chính sách
HĐND	Hội đồng nhân dân
Luật BHVBQPPL	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020
TTHC	Thủ tục hành chính
VBPPL	Văn bản quy phạm pháp luật

### **Đơn vị chủ trì**

Vụ các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp

### **Nhóm chuyên gia xây dựng tài liệu**

#### ***Chuyên gia trong nước:***

Nguyễn Hưng Quang

Nguyễn Kim Thoa

#### ***Chuyên gia quốc tế:***

Stephen Poole

## LỜI NÓI ĐẦU

Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (Báo cáo ĐGTĐCS) là tài liệu rất quan trọng để cơ quan thẩm định, thẩm tra đánh giá chính sách theo các nội dung thẩm định, thẩm tra và đặc biệt là các cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách nhìn nhận rõ tác động lên các mặt của đời sống, kinh tế, xã hội nếu chính sách được ban hành và thực thi. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Luật BHVBQPPL) và các văn bản hướng dẫn, Báo cáo ĐGTĐCS là một trong những tài liệu bắt buộc phải có trong hồ sơ đề nghị xây dựng, hồ sơ dự thảo của nhiều VBQPPL quan trọng, và phải được thẩm định bởi các cơ quan có thẩm quyền<sup>(1)</sup>. Trên thực tế, quá trình đánh giá chất lượng của Báo cáo ĐGTĐCS trong thời gian qua còn gặp những khó khăn, thách thức nhất định, trong đó phần nào xuất phát từ việc chưa có những tiêu chí cụ thể cho việc đánh giá chất lượng các Báo cáo ĐGTĐCS.

Nhằm hỗ trợ công tác đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS, Bộ Tư pháp Việt Nam biên soạn **Tài liệu hướng dẫn đánh giá Báo cáo đánh giá tác động chính sách** (gọi tắt là “Tài liệu”/“Tài liệu này”), với sự hỗ trợ kỹ thuật từ Chương trình Cải cách Kinh tế ASEAN của Bộ Ngoại giao và Phát triển Vương quốc Anh (FCDO) phối hợp với Bộ Kinh doanh, Năng lượng và Chiến lược Công nghiệp Vương quốc Anh (BEIS) thực hiện. Tài liệu này tập trung vào xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS. Đây là một công cụ giúp cho các cán bộ thuộc Bộ Tư pháp trong việc xem xét và đánh giá chất lượng của các Báo cáo ĐGTĐCS trong quy trình thẩm định các hồ sơ đề nghị xây dựng hay hồ sơ dự thảo VBQPPL. Những cơ quan khác ngoài Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS (bao gồm tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ và các Sở Tư pháp<sup>(2)</sup>) cũng có thể sử dụng Tài liệu trong quá trình thẩm định. Tài liệu này cũng dự kiến sẽ là một tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ quan quản lý nhà nước các cấp chịu trách nhiệm soạn thảo Báo cáo ĐGTĐCS để giúp các cơ quan này tự đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS và nâng cao chất lượng của Báo cáo ngay từ khi bắt đầu xây dựng Báo cáo. Những đối tượng khác như các nhà nghiên cứu, giảng viên... cũng có thể sử dụng Tài liệu này để phục vụ cho công tác của mình, nếu phù hợp.

*Tài liệu hướng dẫn đánh giá Báo cáo đánh giá tác động chính sách* được xây dựng trên cơ sở rà soát các quy định pháp luật về yêu cầu ĐGTĐCS từ giai đoạn bắt đầu xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS đến khi hoàn thiện Báo cáo ĐGTĐCS sau khi lấy ý kiến (nếu có), chủ yếu bao gồm các quy định liên quan tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật BHVBQPPL (Nghị định 34/2016/NĐ-CP), Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP

---

(1) Luật BHVBQPPL, Điều 37, khoản 1, điểm b; Điều 87, khoản 2, điểm b; Điều 92, khoản 2, điểm đ; Điều 98, khoản 2, điểm d.

(2) Luật BHVBQPPL, Điều 102, Điều 115, Điều 121.

(Nghị định 154/2020/NĐ-CP), đặc biệt là mẫu Báo cáo ĐGTĐCS được quy định tại Mẫu số 01 – Phụ lục V của Nghị định 154/2020/NĐ-CP (gọi tắt là “Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS”) và một số văn bản khác có liên quan. Ngoài ra, Tài liệu cũng có tham khảo một số hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng và đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS của Việt Nam và một số kinh nghiệm tốt của nước ngoài có liên quan.

Căn cứ vào các yêu cầu luật định và hướng dẫn kỹ thuật về việc ĐGTĐCS phù hợp, Tài liệu đã xây dựng hệ thống **14 tiêu chí đánh giá toàn diện một Báo cáo ĐGTĐCS** ở tất cả các khía cạnh, từ nội dung đến hình thức và cả phương pháp thực hiện. Các tiêu chí được đề xuất này mang tính chất tham khảo, có vai trò như một danh mục kiểm tra giúp cho đơn vị hoặc người thẩm định có cái nhìn tổng quan và thống nhất, tránh bỏ sót một hoặc một số nội dung quan trọng trong quá trình xem xét, đánh giá chất lượng các Báo cáo ĐGTĐCS. Cần nhìn nhận rằng giống như nhiều nghiệp vụ khác mà các công chức tư pháp đảm nhiệm, công tác đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS đòi hỏi người thực hiện phải có kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm nhất định trong lĩnh vực ĐGTĐCS. Bên cạnh đó, để xác định một Báo cáo ĐGTĐCS có thoả mãn các tiêu chí được khuyến nghị hay không, đơn vị hoặc người thẩm định không chỉ căn cứ duy nhất vào Tài liệu này mà còn có thể phải triển khai các hoạt động khác như xin ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học. Trên thực tế, các Báo cáo ĐGTĐCS có thể bao hàm các nội dung chính sách chuyên sâu, đòi hỏi đơn vị hoặc người thẩm định phải có kiến thức, thông tin về một số lĩnh vực nhất định, từ đó mới có thể trả lời được cho câu hỏi: Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn các tiêu chí cụ thể theo hướng dẫn tại Tài liệu này hay chưa?

Tài liệu này bao gồm 03 phần chính:

- **Phần A: Cơ sở xây dựng các tiêu chí đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS**

Phần này tổng hợp các quy định pháp luật và các hướng dẫn kỹ thuật trong quá trình xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS để đưa ra **14 tiêu chí đánh giá** từng phần, từng nội dung trong Báo cáo ĐGTĐCS. Với mỗi tiêu chí, Phần này cũng đưa ra **các câu hỏi gợi ý** để đơn vị hoặc người thẩm định có thể đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS đã đạt được tiêu chí đó hay chưa.

- **Phần B: Bảng hỏi đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS**

Phần B này tổng hợp lại **14 tiêu chí** và các câu hỏi gợi ý tại Phần A để tạo thành 01 mẫu bảng hỏi, thuận tiện cho việc sử dụng trực tiếp trong quá trình đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS.

- **Phần C: Các phụ lục**

Phần này bao gồm 03 phụ lục: (i) Danh mục tài liệu tham khảo để xây dựng Tài liệu này; (ii) Tổng hợp một số kinh nghiệm quốc tế phù hợp về ĐGTĐCS; và (iii) Bảng so sánh phương pháp định lượng và định tính.



# PHẦN A

CƠ SỞ XÂY DỰNG CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ  
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH



**Phần A** tổng hợp quy định pháp luật hiện hành liên quan đến Báo cáo ĐGTĐCS, kết hợp với các hướng dẫn về ĐGTĐCS mà Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp đã xây dựng hoặc giới thiệu. Từ đó, các **tiêu chí** đối với từng nội dung cụ thể của Báo cáo ĐGTĐCS và các **câu hỏi gợi ý** được đưa ra giúp cho đơn vị, người thẩm định xác định liệu Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn được tiêu chí hay chưa. Để thuận tiện cho việc theo dõi và sử dụng Tài liệu trong quá trình đánh giá, **Phần A** này được cấu trúc theo thứ tự tương ứng của các nội dung trong một Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS theo quy định tại Nghị định 154/2020/NĐ-CP.

Về mặt logic, trước khi bắt đầu quá trình đánh giá nội dung Báo cáo ĐGTĐCS theo quy định tại Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS, cần thiết phải xác định VBQPPL có các chính sách được đánh giá có thuộc trường hợp phải xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS hay không. Nếu có thì mới tiếp tục thực hiện việc đánh giá các nội dung của Báo cáo. **Hộp 1** dưới đây tổng hợp lại 02 nhóm VBQPPL phải ĐGTĐCS theo quy định tại Nghị định 34/2016/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 154/2020/NĐ-CP:

#### **Hộp 1: Hai nhóm VBQPPL phải ĐGTĐCS theo quy định hiện hành**

**NHÓM 1: Nhóm các VBQPPL phải ĐGTĐCS trong giai đoạn lập đề nghị<sup>(3)</sup>, bao gồm:**

(i) Luật.

(ii) Pháp lệnh.

(iii) Nghị quyết của Quốc hội về việc thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành<sup>(4)</sup>.

(iv) Nghị quyết của Quốc hội về việc tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật, nghị quyết của Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân<sup>(5)</sup>.

(v) Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội<sup>(6)</sup>.

(vi) Nghị định của Chính phủ quy định vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Trước khi ban hành nghị định này phải được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội<sup>(7)</sup>.

(vii) Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương<sup>(8)</sup>.

<sup>(3)</sup> Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 4; Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 2.

<sup>(4)</sup> Luật BHVBQPPL, Điều 15, khoản 2, điểm b.

<sup>(5)</sup> Luật BHVBQPPL, Điều 15, khoản 2, điểm c.

<sup>(6)</sup> Luật BHVBQPPL, Điều 16, khoản 2, điểm b.

<sup>(7)</sup> Luật BHVBQPPL, Điều 19, khoản 3.

<sup>(8)</sup> Luật BHVBQPPL, Điều 27, khoản 4.

**NHÓM 2: Nhóm các VBQPPL phải ĐGTĐCS trong giai đoạn soạn thảo<sup>(9)</sup>, bao gồm:**

(i) Nghị định quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước<sup>(10)</sup>.

(ii) Nghị định quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, viên chức, quyền, nghĩa vụ của công dân và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ; những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của từ hai bộ, cơ quan ngang bộ trở lên; nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ<sup>(11)</sup>.

(iii) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về (a) Biện pháp lãnh đạo, điều hành hoạt động của Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương, chế độ làm việc với các thành viên Chính phủ, chính quyền địa phương và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; (b) Biện pháp chỉ đạo, phối hợp hoạt động của các thành viên Chính phủ; kiểm tra hoạt động của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước<sup>(12)</sup>.

(iv) Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, VBQPPL của cơ quan nhà nước cấp trên<sup>(13)</sup>.

(v) Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương<sup>(14)</sup>.

(vi) Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

*Ngoài ra, còn có trường hợp đặc biệt<sup>(15)</sup>: Trong quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, xem xét, cho ý kiến về dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nếu có chính sách mới được đề xuất thì cơ quan đề xuất chính sách phải ĐGTĐ của chính sách mới. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày đề xuất chính sách mới, cơ quan đề xuất có trách nhiệm xây dựng báo cáo ĐGTĐ đối với chính sách mới đó.*

Sau khi đã xác định được VBQPPL có các chính sách được đánh giá thuộc trường hợp phải xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS theo quy định pháp luật, đơn vị hoặc người thẩm định sẽ đánh giá lần lượt các nội dung thuộc các phần của Báo cáo ĐGTĐCS như trình bày tại các mục dưới đây.

<sup>(9)</sup> Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 31; Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 9.

<sup>(10)</sup> Luật BHVBQPPL, Điều 19, khoản 1.

<sup>(11)</sup> Luật BHVBQPPL, Điều 19, khoản 2.

<sup>(12)</sup> Luật BHVBQPPL, Điều 20.

<sup>(13)</sup> Luật BHVBQPPL, Điều 27, khoản 2.

<sup>(14)</sup> Luật BHVBQPPL, Điều 27, khoản 3.

<sup>(15)</sup> Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 31, khoản 1; Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 9.



## 1. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ PHẦN XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS tại Nghị định 154/2020/NĐ-CP, **Phần I – Xác định vấn đề bắt cập tổng quan** cần “*nêu rõ bối cảnh xây dựng báo cáo đánh giá tác động, trong đó mô tả vấn đề bắt cập tổng quan cần giải quyết và mục tiêu chung của chính sách*”, và bao gồm 02 mục (i) Bối cảnh xây dựng chính sách và (ii) Mục tiêu xây dựng chính sách – bao gồm Mục tiêu tổng thể và Mục tiêu cụ thể. Theo quy định tại khoản 2, Điều 5, Nghị định 34/2016/NĐ-CP, một trong những công việc phải thực hiện trong quá trình xây dựng nội dung của chính sách là “*Xác định mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể cần đạt được khi giải quyết các vấn đề*”. Ngoài các quy định pháp luật đã đề cập, cho tới thời điểm hiện tại, không có một quy định nào khác hướng dẫn cụ thể về các yêu cầu đặt ra với các nội dung về Bối cảnh xây dựng chính sách và Mục tiêu xây dựng chính sách thuộc **Phần I – Xác định vấn đề bắt cập tổng quan** trong Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS. Các tài liệu hướng dẫn cũng thường hướng dẫn trực tiếp việc ĐGTĐCS các chính sách cụ thể mà không đưa ra các hướng dẫn đối với phần Xác định vấn đề bắt cập tổng quan này.

Trên thực tế, phần Xác định vấn đề bắt cập tổng quan của Báo cáo ĐGTĐCS thường có nội dung trùng với một số nội dung tại Tờ trình hay Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật. Điều này cũng phù hợp về mặt logic để đảm bảo tính thống nhất của các tài liệu trong bộ hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL hay hồ sơ dự thảo VBQPPL. Với kinh nghiệm trong việc xây dựng và đánh giá các Báo cáo ĐGTĐCS, tiêu chí sau đây được đưa ra để đánh giá chất lượng của **Phần I – Xác định vấn đề bắt cập tổng quan** trong Báo cáo ĐGTĐCS:

### Tiêu chí 1: Sự phù hợp của phần Xác định vấn đề bắt cập tổng quan

Đơn vị hoặc người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thỏa mãn tiêu chí này hay chưa:

#### CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 1

- Phần bối cảnh có nêu được các đặc trưng về bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội trong lĩnh vực điều chỉnh bởi VBQPPL được xây dựng/ soạn thảo hay không? Các thông tin đã đảm bảo tính cập nhật hay chưa? (Ví dụ có nêu được các chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, những điểm nhấn mới nhất về mặt kinh tế, xã hội... trong lĩnh vực điều chỉnh của VBQPPL hay không?)
- Các nội dung trong phần bối cảnh có mô tả được các vấn đề bắt cập cần giải quyết hay không? Những vấn đề bắt cập này đã đúng và đủ chưa? Có vấn đề bắt cập nào chưa thực sự phù hợp hoặc còn thiếu bắt cập nổi bật nào hay không? Các bắt cập được nêu có phù hợp với bối cảnh chung đã được phân tích hay không?
- Các nội dung trong phần bối cảnh của Báo cáo ĐGTĐCS có tương thích với các nội dung tương ứng trong các tài liệu khác của hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL hay hồ sơ dự thảo VBQPPL hay không?
- Báo cáo có bao gồm đủ 02 nội dung mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể không?

- Các mục tiêu cụ thể có phù hợp, tương thích với mục tiêu tổng thể hay không?
- Các mục tiêu tổng thể và cụ thể có hướng tới giải quyết những vấn đề bất cập tổng quan tại phân bối cảnh xây dựng chính sách không?

Cần thiết phải nhấn mạnh rằng **Phần I – Xác định vấn đề bất cập tổng quan** của Báo cáo ĐGTĐCS là phần mang ý nghĩa giới thiệu chung về bối cảnh và mục tiêu xây dựng chính sách, và về mặt logic có mối liên hệ chặt chẽ với các nội dung Xác định vấn đề bất cập và Mục tiêu giải quyết vấn đề trong mỗi chính sách cụ thể được trình bày tại **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** của Báo cáo ĐGTĐCS. Do đó, sau khi đánh giá từng chính sách cụ thể trong **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** trong Báo cáo ĐGTĐCS, đơn vị hoặc người thẩm định cần quay lại đánh giá tổng quan về sự phù hợp của các vấn đề bất cập và mục tiêu giải quyết vấn đề trong các chính sách cụ thể với các nội dung liên quan tại **Phần I – Xác định vấn đề bất cập tổng quan**. Nội dung này sẽ được hướng dẫn cụ thể tại **mục 2.6** của **Phần A** này.

## **2. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ PHẦN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

Theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS quy định tại Nghị định 154/2020/NĐ-CP, **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** phải được chia theo từng chính sách, trong đó mỗi chính sách phải có đủ 05 nội dung: (i) Xác định vấn đề bất cập; (ii) Mục tiêu giải quyết vấn đề; (iii) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề; (iv) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan; (v) Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề). **Phần II** này là nội dung cốt lõi của mỗi Báo cáo ĐGTĐCS, do đó hoạt động đánh giá cũng cần tập trung vào phần này.

Nội dung hướng dẫn đánh giá **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** dưới đây được cấu trúc theo từng nội dung trong 05 nội dung trên của các chính sách. Bên cạnh đó, Tài liệu cũng đưa ra một số hướng dẫn giúp đánh giá tổng quan mối liên hệ giữa các chính sách với nhau và với bối cảnh, mục tiêu xây dựng chính sách nói chung (đã được đánh giá theo hướng dẫn tại **mục 1** phía trên), cũng như sự phù hợp giữa nội dung chính sách với tên chính sách.

## 2.1. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP

Theo quy định tại Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS, nội dung Xác định vấn đề bất cập trong mỗi chính sách bao gồm “*mô tả thực trạng của vấn đề, phân tích các bất cập, hậu quả, nguyên nhân*”. Theo quy định tại Nghị định 34/2016/NĐ-CP, việc xác định các vấn đề cần giải quyết, nguyên nhân của từng vấn đề cũng là một trong những công việc phải thực hiện khi ĐGTĐCS<sup>(16)</sup>.

Theo một số hướng dẫn kỹ thuật về ĐGTĐCS hiện hành, vấn đề thực tiễn cần giải quyết là một hiện trạng xã hội đã và đang xảy ra (hoặc có thể được dự báo sẽ xảy ra) có ảnh hưởng hay tác động tiêu cực đến đời sống, hoạt động của một hoặc một số nhóm đối tượng trong xã hội, đến tổ chức, hoạt động của cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, một vấn đề thực tiễn đòi hỏi phải được giải quyết bằng chính sách, pháp luật chỉ khi vấn đề đó có nội dung tác động và phạm vi tác động đáng kể về thời gian, không gian cho các đối tượng chịu ảnh hưởng<sup>(17)</sup>. Như vậy, có thể thấy rằng việc xác định vấn đề bất cập bao gồm các phân tích về **thực trạng, hậu quả, nguyên nhân** của vấn đề, và gắn liền với việc xác định những **ảnh hưởng hay tác động tiêu cực** và xác định **những nhóm đối tượng** phải chịu những tác động đó.

Lưu ý Báo cáo ĐGTĐCS phải phân tích, nhận diện được các nguyên nhân (trực tiếp và gián tiếp) gây ra hiện trạng (vấn đề) để phục vụ cho việc tìm kiếm giải pháp phù hợp khắc phục triệt để các nguyên nhân đó<sup>(18)</sup>. Việc nhận diện nguyên nhân phải đúng và đầy đủ với vấn đề bất cập để có thể xây dựng được chính sách, biện pháp giải quyết vấn đề phù hợp. Một vấn đề bất cập phải có tối thiểu một nguyên nhân tạo nên và có thể có nhiều nguyên nhân cho một vấn đề bất cập. Việc xác định nguyên nhân đòi hỏi phải có những thông tin, bằng chứng (số liệu thống kê, ý kiến chuyên gia...) để chứng minh, luận giải về mối quan hệ nhân – quả giữa nguyên nhân và vấn đề bất cập<sup>(19)</sup>. Trong quá trình xác định nguyên nhân, cần lưu ý tới cả các nguyên nhân có thể nảy sinh từ vấn đề giới hoặc khía cạnh giới. Đơn vị hoặc người thẩm định có thể tham khảo thêm các kinh nghiệm có trong các tài liệu được liệt kê tại Phụ lục I và có tại **mục 1, Phụ lục II, Phần C** của Tài liệu này.

---

<sup>(16)</sup> Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 5, khoản 1.

<sup>(17)</sup> Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 7.

<sup>(18)</sup> Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 8.

<sup>(19)</sup> Bộ LĐTBXH, Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động xã hội và đánh giá tác động về giới, trang 27.

Từ những nội dung phân tích trên, việc đánh giá nội dung Xác định vấn đề bất cập sẽ theo tiêu chí sau:

### **Tiêu chí 2: Sự phù hợp của việc xác định vấn đề bất cập**

Đơn vị hoặc người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

#### **CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 2**

- Báo cáo có chỉ ra được vấn đề bất cập hiện nay hay không? (Ví dụ bất cập trong việc thực thi quyền và nghĩa vụ của người dân và doanh nghiệp, bất cập về quản lý nhà nước trong lĩnh vực cụ thể...)
- Báo cáo có phân tích được các tác động/ảnh hưởng tiêu cực (hậu quả) của vấn đề bất cập hay không? (Ví dụ như ảnh hưởng đến việc thực thi các điều ước quốc tế, không đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích chính đáng của người dân, ảnh hưởng đến doanh nghiệp, môi trường kinh doanh...)
- Phần phân tích về các tác động/ảnh hưởng tiêu cực (hậu quả) có chỉ ra được các đối tượng bị tác động/ảnh hưởng hay không? (Ví dụ như người dân, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực/ngành nhất định...)
- Báo cáo có phân tích được nguyên nhân của vấn đề bất cập hay không? (Ví dụ như bất cập xuất phát từ sự không phù hợp của văn bản pháp luật với yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội? Hay bất cập từ việc đã có quy định nhưng quy định chồng chéo, mâu thuẫn, không rõ ràng; hoặc bất cập do quá trình thực thi, do thiếu nguồn lực thực hiện?...)
- Nguyên nhân của vấn đề bất cập có được xác định đúng và đủ hay không? (Ví dụ nguyên nhân có phải là nguyên nhân trực tiếp, chính yếu dẫn tới vấn đề bất cập không? Hay chỉ là nguyên nhân gián tiếp? Có vấn đề giới hạn hay khía cạnh giới hạn nào trong các nguyên nhân mà Báo cáo chưa đề cập hay không?...)

## **2.2. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG MỤC TIÊU GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ**

Theo quy định tại khoản 2, Điều 5 của Nghị định 34/2016/NĐ-CP, việc xác định mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể khi giải quyết các vấn đề là một trong những công việc phải thực hiện trong quá trình xây dựng nội dung của chính sách. Mục tiêu chính sách là mức độ giải quyết vấn đề thực tiễn mà Nhà nước hướng tới trong thời gian trước mắt hoặc lâu dài (mục tiêu ngắn hạn, mục tiêu dài hạn) nhằm hạn chế, giảm thiểu các tác động tiêu cực đối với các đối tượng chịu tác động hoặc chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách pháp luật. Một vấn đề có thể phát sinh do nhiều nguyên nhân gây ra và có thể tác động tiêu cực đến các đối tượng trên các khía cạnh khác nhau như kinh tế, xã hội, môi trường... Do đó, mục tiêu chính sách trước tiên cần hướng tới giải quyết những **nguyên nhân chính** gây nên tác động tiêu cực chủ yếu cho các đối tượng<sup>(20)</sup>. Đơn vị hoặc người thẩm định có thể tham khảo thêm các kinh nghiệm có trong các tài liệu ở Phụ lục I và tại **mục 2, Phụ lục II, Phần C** của Tài liệu này.

<sup>(20)</sup> Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 8.

Từ những nội dung phân tích trên, việc đánh giá nội dung Mục tiêu giải quyết vấn đề sẽ theo tiêu chí sau:

**Tiêu chí 3: Sự phù hợp của việc xác định mục tiêu giải quyết vấn đề**

Đơn vị hoặc người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

**CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 3**

- Mục tiêu giải quyết vấn đề có tương xứng với các nguyên nhân chính, trực tiếp đã được xác định tại phần Xác định vấn đề bất cập hay không? (Ví dụ, nếu phần xác định nguyên nhân chỉ ra 02 nguyên nhân chính dẫn đến vấn đề bất cập thì đã có các mục tiêu tương ứng để khắc phục 02 nguyên nhân đó hay chưa?...)
- Mục tiêu giải quyết vấn đề có được xác định rõ ràng hay không? (Ví dụ mục tiêu được nêu cụ thể, đo lường được, có tính khả thi, phù hợp với thực tế, và được xác định trong khoảng thời gian cụ thể?...)

**2.3. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG CÁC GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT ĐỂ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ**

Việc xác định định hướng, giải pháp để giải quyết từng vấn đề là một trong những công việc phải thực hiện trong quá trình xây dựng nội dung của chính sách theo quy định tại khoản 3, Điều 5, Nghị định 34/2016/NĐ-CP. Theo quy định tại Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS, trong số các giải pháp đề xuất, bắt buộc phải có **giải pháp giữ nguyên hiện trạng**<sup>(21)</sup>.

Theo một số tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, giải pháp thực hiện chính sách là các phương án khác nhau để giải quyết vấn đề thực tiễn theo mục tiêu đã xác định. Giải pháp phải **phù hợp, cân xứng** với vấn đề về quy mô, phạm vi, đối tượng tác động, khắc phục được trúng và đúng các nguyên nhân trực tiếp và nguyên nhân gián tiếp gây ra vấn đề; đồng thời giải pháp phải hiệu quả nghĩa là **đạt được mục tiêu** đặt ra với chi phí hợp lý, khả thi đối với các đối tượng phải thực hiện, tuân thủ. Thông thường, mỗi giải pháp thực hiện chính sách sử dụng một công cụ thể hiện cách thức mà Nhà nước có thể can thiệp để giải quyết vấn đề thực tiễn. Việc ban hành VBQPPL chứa chính sách là một trong các công cụ, giải pháp quan trọng nhưng không phải là duy nhất. Có những công cụ chính sách bắt buộc phải thể hiện bằng hình thức VBQPPL (như luật, pháp lệnh...) nhưng cũng có những công cụ thực hiện không phải bằng VBQPPL (như cải tiến phương thức giải quyết TTHC)<sup>(22)</sup>.

<sup>(21)</sup> Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Phụ lục V, Mẫu số 01, Mục II.

<sup>(22)</sup> Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 9; Bộ LĐTĐ, Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động xã hội và đánh giá tác động về giới, trang 30, trang 31.

Bên cạnh phương án/giải pháp giữ nguyên hiện trạng, các giải pháp được đề xuất để giải quyết vấn đề trong các Báo cáo ĐGTĐCS thường bao gồm từ 02 – 03 giải pháp khác với các đề xuất mang tính thay đổi so với giải pháp giữ nguyên hiện trạng để nhằm so sánh giữa các giải pháp và xác định giải pháp nào là tối ưu với mục tiêu đã đề ra. Kinh nghiệm thực hiện xây dựng các giải pháp thường có trong các tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS của Việt Nam và quốc tế, đơn vị/người thẩm định có thể tham khảo thêm tại **mục 3, Phụ lục II, Phần C** của Tài liệu này.

Từ những nội dung nêu trên, việc đánh giá nội dung Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề sẽ theo tiêu chí sau:

#### **Tiêu chí 4: Sự phù hợp của việc xác định các giải pháp giải quyết vấn đề**

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thỏa mãn tiêu chí này hay chưa:

##### **CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 4**

- Trong mỗi chính sách, Báo cáo ĐGTĐCS có giải pháp giữ nguyên hiện trạng hay không? Ngoài giải pháp giữ nguyên hiện trạng thì Báo cáo có đưa ra thêm được tối thiểu 02 giải pháp khác hay không?
- Các giải pháp được đề xuất có gắn với các mục tiêu giải quyết vấn đề đã được xác định hay không?
- Các giải pháp có cân xứng với quy mô, phạm vi, đối tượng tác động, khắc phục được trùng và đúng các nguyên nhân trực tiếp hay không?
- Có bắt buộc phải ban hành VBQPPL để đạt được mục tiêu giải quyết vấn đề hay không? Liệu có công cụ nào khác phù hợp hơn để đạt được mục tiêu hay không?

#### **2.4. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP CỦA CHÍNH SÁCH VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN**

ĐGTĐ của các giải pháp là nội dung cốt lõi trong mỗi chính sách nói riêng và trong Báo cáo ĐGTĐCS nói chung. Việc đánh giá được thực hiện trên 05 khía cạnh theo quy định tại Luật BHVBQPPL và các văn bản hướng dẫn<sup>(23)</sup>, bao gồm: (i) Tác động về kinh tế; (ii) Tác động về xã hội; (iii) Tác động về giới; (iv) Tác động của TTHC; và (v) Tác động với hệ thống pháp luật.

##### **2.4.1. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích Tác động về kinh tế**

Pháp luật hiện hành quy định tác động về kinh tế được đánh giá trên cơ sở “*phân tích chi phí và lợi ích đối với một hoặc một số nội dung về sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư và kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, cơ cấu phát triển kinh tế của quốc gia hoặc địa phương, chi tiêu công, đầu tư công và các vấn đề khác có liên quan đến kinh tế*”<sup>(24)</sup>.

<sup>(23)</sup> Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 6; Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 3.

<sup>(24)</sup> Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 6, khoản 1.

Theo một số tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về ĐGTĐ kinh tế, các tác động về kinh tế có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên các **đối tượng khác nhau** trong xã hội trong nhiều **khía cạnh kinh tế** bao gồm: (i) Nhà nước (ví dụ: tác động từ chi tiêu công/nguồn thu công; tăng/giảm đầu tư công; tăng/giảm chi tiêu cho phúc lợi xã hội, thất thu thuế...); (ii) Người dân (ví dụ: tác động từ tăng/giảm tài sản; tăng/giảm chi tiêu; tăng/giảm tiền lương; tăng/giảm thuế...); (iii) Tổ chức (ví dụ: tác động từ sản xuất/kinh doanh; tiêu dùng/chi tiêu tổ chức; tăng/giảm đầu tư; khả năng cạnh tranh...); (iv) Đối tượng khác (ví dụ: tác động về chi tiêu/tiêu dùng; tăng/giảm đầu tư; tăng/giảm kiều hối...), từ đó tác động với từng đối tượng trên sẽ có ảnh hưởng tới nội dung chung là trình độ phát triển, năng lực cạnh tranh, cơ cấu phát triển kinh tế của quốc gia hoặc địa phương<sup>(25)</sup>. Trong ĐGTĐ kinh tế, **phân tích lợi ích – chi phí** là phương pháp chủ đạo nhằm đánh giá lợi ích thuần mà một chính sách hoặc một chương trình sẽ mang lại cho xã hội hay nền kinh tế. Việc tính toán đầy đủ và thể hiện đầy đủ các chi phí và lợi ích này sẽ giúp cho các cơ quan đề xuất, xây dựng chính sách, văn bản pháp luật hiểu rõ hơn chính sách sẽ tác động đến các đối tượng khác nhau như thế nào. Bên cạnh đó, phương pháp đánh giá giả định cũng được áp dụng dựa trên các quy luật kinh tế, xã hội chắc chắn, chính xác và đã được xác lập<sup>(26)</sup>. Đơn vị/người thẩm định có thể tham khảo thêm các kinh nghiệm được nêu ở các tài liệu tại Phụ lục I và tại **mục 4, Phụ lục II, Phần C** của Tài liệu này.

Cũng lưu ý rằng trong Mẫu Báo cáo ĐGTĐ còn quy định có thể có **Phần V – Phụ lục**, bao gồm các bảng, biểu tính toán chi phí và lợi ích của các giải pháp (nếu có). Do đó, quá trình đánh giá cũng cần lưu ý tới các bảng, biểu trong các phụ lục (ví dụ đã được dẫn chiếu trong các phần ĐGTĐ của các giải pháp).

Từ những nội dung phân tích trên, việc đánh giá nội dung Tác động về kinh tế sẽ theo tiêu chí sau:

#### Tiêu chí 5: Sự phù hợp của các phân tích tác động về kinh tế

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

#### CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 5

- Báo cáo có xác định được các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan từ khía cạnh kinh tế hay không? Các đối tượng được xác định đã đúng và đủ hay chưa (*thông thường sẽ có 03 nhóm đối tượng: (i) Nhà nước; (ii) Doanh nghiệp, tổ chức khác; (iii) Cá nhân*)? Còn nhóm đối tượng nào có khả năng bị tác động mà Báo cáo chưa đề cập, đặc biệt là các nhóm yếu thế (như người dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật, người dân ở các vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người lao động di cư...)? Có đối tượng nào được xác định là có tác động nhưng trên thực tế sẽ không chịu tác động?

<sup>(25)</sup> Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 20.

<sup>(26)</sup> Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 25.

- Báo cáo đã xác định được các tác động về kinh tế (phân tích chi phí và lợi ích) lên các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan chưa? Còn chi phí hay lợi ích nào bị bỏ sót hay không? Có chi phí hay lợi ích nào được xác định tại Báo cáo nhưng trên thực tế sẽ không phát sinh?
- Các tính toán chi phí và lợi ích có đúng hay không? (Ví dụ số lượng đối tượng chịu tác động đã đúng với thực tế hay chưa? Số tiền được tính toán có đúng hay không?..)
- Báo cáo có các bảng biểu tính toán chi phí và lợi ích được đính kèm trong phụ lục hay không? Có bảng biểu nào được nêu trong phần chính của Báo cáo mà trong phụ lục không có? Có điểm mâu thuẫn nào giữa nội dung được trình bày trong phần chính của Báo cáo và nội dung tại các bảng biểu tương ứng tại phụ lục hay không?

#### 2.4.2. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích Tác động về xã hội

Theo quy định hiện hành, tác động về xã hội được đánh giá trên cơ sở “*phân tích, dự báo tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội, chính sách dân tộc (nếu có) và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội*”<sup>(27)</sup>. Theo đó, ĐGTĐ về xã hội dựa trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với các vấn đề xã hội rất đa dạng, bao gồm 13 khía cạnh chính: (i) Dân số; (ii) Việc làm; (iii) Tài sản; (iv) Sức khỏe; (v) Môi trường; (vi) Y tế; (vii) Giáo dục; (viii) Di lại; (ix) Giảm nghèo; (x) Giá trị văn hoá truyền thống; (xi) Gắn kết cộng đồng, xã hội; (xii) Chính sách dân tộc; (xiii) Các vấn đề khác. Cũng tương tự như ĐGTĐ về kinh tế, ĐGTĐ về xã hội đòi hỏi phải **xác định đúng các đối tượng chịu tác động** về mặt xã hội trong các nhóm đối tượng: (i) Nhà nước, (ii) Người dân, (iii) Tổ chức; (iv) Đối tượng khác, và **khía cạnh xã hội mà đối tượng đó bị tác động**. Nói cách khác, người thực hiện ĐGTĐ phải thực hiện các phân tích để trả lời câu hỏi: Giải pháp chính sách có gây ra tác động xã hội (trong từng lĩnh vực cụ thể) như thế nào với từng nhóm đối tượng bị tác động?<sup>(28)</sup>.

Trên thực tế, nhiều cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS còn gặp khó khăn trong việc ĐGTĐ về xã hội, cụ thể với việc xác định các đối tượng chịu tác động về mặt xã hội và các khía cạnh xã hội chịu tác động của các đối tượng đó. Gần đây đã có một số tài liệu hướng dẫn kỹ thuật cụ thể về việc xác định các đối tượng chịu tác động và các khía cạnh tác động xã hội, cụ thể như *Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá tác động của chính sách của Bộ Tư pháp Việt Nam, Danh mục kiểm tra khi Bộ Tư pháp thẩm định nội dung ĐGTĐCS về xã hội và ĐGTĐCS về giới trong đề nghị xây dựng VBQPPL/Dự thảo VBQPPL và Danh mục tham chiếu về ĐGTĐ xã hội và giới trong quy trình xây dựng chính sách, VBQPPL của Bộ Tư pháp, Danh mục tham chiếu phục vụ cho quy trình đánh giá tác động xã hội và giới của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động xã hội và đánh giá tác động về giới của Bộ*

<sup>(27)</sup> Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 3, điểm a.

<sup>(28)</sup> Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 30.



Lao động - Thương binh và xã hội. Các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật như trên sẽ giúp người phụ trách xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS thuận tiện hơn trong việc xác định các đối tượng và khía cạnh xã hội chịu tác động của chính sách, rút ngắn thời gian xác định đối tượng và khía cạnh chịu tác động, đồng thời hạn chế khả năng bỏ sót các đối tượng và khía cạnh có khả năng chịu tác động bởi chính sách, đặc biệt là các tác động lên nhóm yếu thế.

Từ những nội dung phân tích trên, việc đánh giá nội dung Tác động về xã hội sẽ theo tiêu chí sau:

#### Tiêu chí 6: Sự phù hợp của các phân tích tác động về xã hội

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

#### CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 6

- Báo cáo có xác định được các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan từ khía cạnh xã hội hay không? Các đối tượng được xác định đã đúng và đủ hay chưa (*thông thường sẽ có 03 nhóm đối tượng: (i) Nhà nước; (ii) Doanh nghiệp, tổ chức khác; (iii) Cá nhân*)? Còn nhóm đối tượng nào có khả năng bị tác động mà Báo cáo chưa đề cập, đặc biệt là các nhóm yếu thế (như người dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật, người dân ở các vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người lao động di cư...)? Có đối tượng nào được xác định là có tác động nhưng trên thực tế sẽ không chịu tác động?
- Báo cáo đã xác định được các tác động về mặt xã hội ở các khía cạnh nào trong số 13 nội dung theo quy định? Còn khía cạnh nào (có thể ngoài 13 nội dung theo quy định) có khả năng chịu tác động của chính sách mà Báo cáo chưa đề cập?
- Với mỗi khía cạnh/nội dung chịu tác động về mặt xã hội, Báo cáo có nêu được các chỉ tiêu ĐGTĐ cụ thể hay không? (*Ví dụ, Báo cáo xác định chính sách có tác động về mặt Việc làm thì cụ thể tác động đó được thể hiện như thế nào - như giúp nâng cao năng suất lao động, bảo vệ lao động nữ, giúp giảm tỷ lệ thất nghiệp...*)
- Trong mỗi lĩnh vực, Báo cáo có phân tích được các tác động tích cực và tiêu cực lên các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan hay không?

#### 2.4.3. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích Tác động về giới

Tác động về giới (nếu có) được đánh giá trên cơ sở “*phân tích, dự báo các tác động kinh tế, xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới*”<sup>(29)</sup>. Luật Bình đẳng giới 2006 cũng quy định “*Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới bằng cách xác định vấn đề giới, dự báo tác động giới của văn bản, trách nhiệm, nguồn lực để giải quyết vấn đề giới trong các quan hệ xã hội được văn*

<sup>(29)</sup> Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 3, điểm a.

*bản quy phạm pháp luật điều chỉnh*”<sup>(30)</sup>. Trong Quyết định 2410/QĐ-BTP, Bộ Tư pháp cũng xác định một trong những nội dung thẩm định là việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có). Cụ thể, văn bản này đưa ra yêu cầu khi thẩm định về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản thì cần xem xét, đánh giá các chính sách được đề xuất có khả năng gây bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới hay không, đồng thời đánh giá cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và khả năng thụ hưởng các quyền, lợi ích, sự tác động tích cực hoặc tiêu cực đến mỗi giới trong chính sách.... Trường hợp nội dung chính sách có liên quan đến vấn đề bình đẳng giới nhưng chưa được cơ quan đề xuất xử lý thì trong báo cáo phải nêu rõ và yêu cầu xử lý trong chính sách<sup>(31)</sup>.

Với việc ĐGTĐ về giới được thực hiện **lồng ghép với ĐGTĐ về xã hội, kinh tế**, về mặt logic, đối với mỗi chỉ tiêu xã hội, kinh tế được xác định là có tác động, cần thiết phải đánh giá chỉ tiêu đó ở khía cạnh giới để xem xét chỉ tiêu đó có tạo ra sự tác động về giới hay không, cụ thể là có tạo ra sự khác biệt đáng kể đối với cơ hội, năng lực, điều kiện và thụ hưởng quyền, lợi ích của nam và nữ hay không. Do đó, cần có “nhạy cảm giới” để nhận biết và đánh giá đúng sự khác biệt của các tác động đó đối với mỗi giới (nam, nữ) và hệ quả, từ đó đề xuất lựa chọn giải pháp phù hợp<sup>32</sup>. Đơn vị/người thẩm định có thể tham khảo thêm các kinh nghiệm được nêu ở trong các tài liệu ở Phụ lục I và tại **mục 5, Phụ lục II, Phần C** của Tài liệu này.

Từ những phân tích trên, việc đánh giá nội dung Tác động về giới theo tiêu chí sau:

#### **Tiêu chí 7: Sự phù hợp của các phân tích tác động về giới**

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thỏa mãn tiêu chí này hay chưa:

#### **CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 7**

- Trong trường hợp Báo cáo CÓ đề cập tới vấn đề bất cập về giới/khía cạnh giới tại phần Xác định vấn đề bất cập và Mục tiêu giải quyết vấn đề thì trong các nội dung tại phần Đánh giá tác động của các giải pháp có các phân tích tác động về giới tương ứng hay không?
- Trong trường hợp Báo cáo KHÔNG đề cập tới vấn đề bất cập về giới/khía cạnh giới tại phần Xác định vấn đề bất cập và Mục tiêu giải quyết vấn đề thì trong các nội dung tại phần Đánh giá tác động của các giải pháp, có các phân tích tác động về kinh tế và xã hội nào cho thấy có khả năng tạo ra sự khác biệt của các tác động đó đối với mỗi giới hay không?
- Các tác động về giới (nếu có) có phân tích được các tác động về cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới hay không?

<sup>(30)</sup> Luật Bình đẳng giới 2006, Điều 5, khoản 7.

<sup>(31)</sup> Quyết định 2410/QĐ-BTP, Phụ lục I, mục 9.

<sup>(32)</sup> Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 34.

#### 2.4.4. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích Tác động của thủ tục hành chính

Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định tác động của TTHC (nếu có) được đánh giá trên cơ sở “*phân tích, dự báo về **sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách***”<sup>(33)</sup>. Gần đây, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 03/2022/TT-BTP hướng dẫn việc ĐGTĐ của TTHC trong lập đề nghị xây dựng VBQPPL và soạn thảo dự án, dự thảo VBQPPL (Thông tư 03/2022/TT-BTP), thay thế Thông tư 07/2014/TT-BTP, và có hiệu lực từ 28/03/2022. Theo quy định tại Thông tư này, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thẩm định quy định TTHC theo Luật BHVBQPPL và quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC. Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan và đối tượng chịu sự tác động của quy định TTHC để hoàn thiện nội dung thẩm định về quy định TTHC trước khi gửi đơn vị thẩm định tổng hợp, hoàn thiện Báo cáo thẩm định<sup>(34)</sup>.

Trên thực tế, Nghị định 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát TTHC và các văn bản sửa đổi, bổ sung<sup>(35)</sup> không đưa ra các tiêu chí riêng về thẩm định TTHC mà dẫn chiếu về các quy định chung của Luật BHVBQPPL, Nghị định 34/2016/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Do đó, vào thời điểm hiện hành, việc đánh giá TTHC sẽ được thực hiện theo các tiêu chí được nêu tại Nghị định 34/2016/NĐ-CP như đã đề cập, bao gồm: (i) **Sự cần thiết**; (ii) **Tính hợp pháp**; (iii) **Tính hợp lý**; (iv) **Chi phí tuân thủ**. Thông tư 03/2022/TT-BTP có hướng dẫn cụ thể về việc đánh giá từng yếu tố này của TTHC trong 02 trường hợp: (i) Trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản; và (ii) Trong soạn thảo dự án, dự thảo văn bản, và là cơ sở cho việc đánh giá nội dung ĐGTĐ TTHC trong các Báo cáo ĐGTĐCS. **Bảng 1** dưới đây tóm lược các nội dung quan trọng của việc xác định 04 tiêu chí đánh giá TTHC trong 02 trường hợp nêu trên theo quy định tại Thông tư 03/2022/TT-BTP:

<sup>(33)</sup> Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 6, khoản 4.

<sup>(34)</sup> Thông tư 03/2022/TT-BTP, Điều 4, khoản 3.

<sup>(35)</sup> Nghị định 63/2010/NĐ-CP, Điều 10, Điều 11; Nghị định 48/2013/NĐ-CP, Điều 1, khoản 4; Nghị định 92/2017/NĐ-CP, Điều 1, khoản 3.

**Bảng 1: Tiêu chí đánh giá TTHC theo quy định tại Thông tư 03/2022/TT-BTP<sup>(36)</sup>**

TIÊU CHÍ	TRONG LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN	TRONG SOẠN THẢO DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN
Sự cần thiết	<p>(i) Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực nhất định hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.</p> <p>(ii) Bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.</p> <p>(iii) Là phương án, giải pháp tối ưu trong các phương án, giải pháp có thể được thực hiện để bảo đảm các yêu cầu tại mục (i) và (ii).</p>	<p><i>Tương tự việc đánh giá sự cần thiết trong lập đề nghị xây dựng văn bản.</i></p>
Tính hợp pháp	<p>(i) TTHC được đề xuất trong đề nghị xây dựng văn bản theo đúng thẩm quyền được quy định tại Luật BHVBQPPL và các quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC.</p> <p>(ii) TTHC được đề xuất phải bảo đảm tính thống nhất với hệ thống pháp luật.</p> <p>(iii) TTHC được đề xuất phải bảo đảm tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p>	<p>(i) TTHC phải được ban hành theo đúng thẩm quyền được quy định tại Luật BHVBQPPL và các quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC.</p> <p>(ii) Nội dung quy định TTHC có sự thống nhất trong cùng một văn bản; không trái với các VBQPPL khác, điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p>
Tính hợp lý	<p>Đánh giá tính hợp lý đối với 03 bộ phận của TTHC, gồm tên TTHC, đối tượng thực hiện TTHC và cơ quan giải quyết TTHC. <i>(Chi tiết xem tại khoản 2, Điều 8, Thông tư 03/2022/TT-BTP)</i></p>	<p>Tương tự việc đánh giá tính hợp lý trong lập đề nghị xây dựng văn bản với 03 bộ phận của TTHC (tên, đối tượng, cơ quan giải quyết), ngoài ra cần đánh giá thêm tính hợp lý đối với các bộ phận khác của TTHC bao gồm: (i) Trình tự thực hiện; (ii) Cách thức thực hiện; (iii) Thành phần, số lượng hồ sơ; (iv) Thời hạn giải quyết; (v) Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có); (vi) Mẫu đơn, tờ khai; (vii) Yêu cầu, điều kiện; (viii) Kết quả thực hiện TTHC. <i>(Chi tiết xem tại khoản 3, Điều 11, Thông tư 03/2022/TT-BTP)</i></p>

<sup>(36)</sup> Thông tư 03/2022/TT-BTP, từ Điều 6 đến Điều 9, Điều 11.

TIÊU CHÍ	TRONG LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN	TRONG SOẠN THẢO DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN
Chi phí tuân thủ	<p>Xác định rõ để thực hiện TTHC, cá nhân, tổ chức phải nộp hoặc không phải nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có).</p> <p>Việc đề xuất quy định phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) cơ bản phải bảo đảm bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi cơ quan nhà nước giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức; bảo đảm cắt giảm tối đa chi phí không cần thiết cho cá nhân, tổ chức; có tính đến đặc điểm từng vùng miền, từng đối tượng thực hiện, từng lĩnh vực và thông lệ quốc tế.</p>	<p>(i) Tuân thủ các nguyên tắc tính chi phí tuân thủ TTHC quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 11, Thông tư 03/2022/TT-BTP.</p> <p>(ii) Tuân thủ cách tính chi phí tuân thủ TTHC và cách xác định các loại chi phí cụ thể để tính chi phí tuân thủ TTHC theo quy định tại điểm b, điểm c, khoản 4, Điều 11, Thông tư 03/2022/TT-BTP.</p>

Bên cạnh đó, khi ĐGTĐ TTHC trong soạn thảo dự án, dự thảo văn bản, cũng cần lưu ý có một số khác biệt về ĐGTĐ của TTHC trong các trường hợp: (i) TTHC dự kiến ban hành mới; (ii) TTHC được quy định chi tiết; (iii) TTHC được sửa đổi, bổ sung; (iv) TTHC được bãi bỏ<sup>(37)</sup>.

Việc ĐGTĐ TTHC được thực hiện theo các **biểu mẫu** tại Thông tư 03/2022/TT-BTP. Theo đó, có các biểu mẫu riêng dành cho việc ĐGTĐ trong lập đề nghị xây dựng văn bản (Phụ lục I, Thông tư 03/2022/TT-BTP) và trong soạn thảo dự án, dự thảo văn bản (Phụ lục II, Thông tư 03/2022/TT-BTP). Như vậy, có thể thấy rằng, khác với những khía cạnh ĐGTĐ khác như kinh tế, xã hội hay giới chỉ có những quy định chung, nội dung hướng dẫn ĐGTĐ TTHC trong hệ thống quy định hiện hành khá rõ ràng, chi tiết. Điều này cũng sẽ giúp cơ quan thẩm định thuận tiện hơn trong quá trình đánh giá nội dung phân tích tác động của TTHC.

Từ những nội dung phân tích trên, việc đánh giá nội dung Tác động của TTHC sẽ theo tiêu chí sau:

**Tiêu chí 8: Tính cần thiết, hợp pháp, hợp lý và sự phù hợp của chi phí tuân thủ của TTHC**

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

<sup>(37)</sup> Thông tư 03/2022/TT-BTP, Điều 11, Điều 12.

## CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 8

• **Tính cần thiết:** Báo cáo có nêu rõ TTHC phục vụ cho nhu cầu quản lý nhà nước trong ngành, lĩnh vực nào và bảo đảm việc thực hiện quyền, nghĩa vụ nào của cá nhân, tổ chức? Các lý do được đưa ra có cho thấy sự cần thiết của TTHC hay không? Trong những phương án, giải pháp được đưa ra có giải pháp nào phù hợp hơn so với việc ban hành TTHC hay không? (*Ví dụ có thể thực hiện hậu kiểm thay vì yêu cầu thực hiện TTHC không?*). Lý do lựa chọn phương án, giải pháp quy định TTHC có xác đáng không?

• **Tính hợp pháp:** Báo cáo có xác định thẩm quyền ban hành TTHC hay không? Thẩm quyền được xác định có phù hợp với quy định pháp luật hay không<sup>(38)</sup>? Nội dung xác định về việc TTHC có hay không mâu thuẫn, chông chéo với quy định tại các văn bản khác và với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên đã phù hợp hay chưa?

• **Tính hợp lý:** Các bộ phận của TTHC được đánh giá tính hợp lý (lưu ý sự khác nhau giữa 02 trường hợp lập đề nghị xây dựng văn bản và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản) đã đầy đủ theo yêu cầu của Thông tư 03/2022/TT-BTP hay chưa? Các bộ phận có được xác định rõ ràng, cụ thể và hợp lý hay không? *Ví dụ, tên TTHC có rõ ràng hay không? Đối tượng thực hiện, phạm vi áp dụng có nên thu hẹp hay không? Thẩm quyền của cơ quan giải quyết đã được xác định rõ ràng chưa? Có nên uỷ quyền hoặc phân cấp nữa hay không? Có thể lựa chọn cách thức thực hiện trực tuyến (điện tử) được không? Thành phần hồ sơ có được quy định rõ ràng?...*

### • Sự phù hợp của chi phí tuân thủ:

- Với trường hợp lập đề nghị xây dựng văn bản: Báo cáo đã làm rõ về việc phải nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) hay chưa? Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) đã bảo đảm bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi cơ quan nhà nước giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức; bảo đảm cắt giảm tối đa chi phí không cần thiết cho cá nhân, tổ chức; có tính đến đặc điểm từng vùng miền, từng đối tượng thực hiện, từng lĩnh vực và thông lệ quốc tế hay chưa?

- Với trường hợp soạn thảo dự án, dự thảo văn bản: Chi phí tuân thủ được tính ra trong Báo cáo đã đúng hay chưa? *Ví dụ như các công việc được liệt kê trong các bước thực hiện TTHC đã phản ánh đúng nội dung của TTHC hay chưa? Số lần thực hiện/năm và số lượng đối tượng tuân thủ/năm đã được xác định đúng hay chưa? Còn hoạt động nào trên thực tế mà cá nhân, tổ chức phải triển khai trong quá trình thực hiện TTHC nhưng Báo cáo chưa tính đến? Mức thu nhập bình quân/giờ làm việc đã đúng theo hướng dẫn tại Thông tư 03/2022/TT-BTP hay chưa?...*

• Báo cáo có sử dụng các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư 03/2022/TT-BTP hay không? Có sử dụng đúng loại biểu mẫu theo hướng dẫn tại Thông tư này với từng trường hợp hay không, bao gồm biểu mẫu dành cho việc ĐGTĐ trong lập đề nghị xây dựng văn bản (Phụ lục I, Thông tư 03/2022/TT-BTP) và trong soạn thảo dự án, dự thảo văn bản (Phụ lục II, Thông tư 03/2022/TT-BTP)?

• Có TTHC nào phát sinh trong chính sách mà chưa được ĐGTĐ hay không?

<sup>(38)</sup> Khoản 4 Điều 14 Luật BHVBQPPL quy định cấm: “Quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của HĐND, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này”.

#### 2.4.5. Hướng dẫn đánh giá nội dung phân tích Tác động với hệ thống pháp luật

Theo quy định hiện hành, tác động đối với hệ thống pháp luật được đánh giá trên cơ sở “*phân tích, dự báo tác động đối với tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*”<sup>(39)</sup>. Theo đó, sẽ có 03 nội dung được đánh giá, bao gồm: (i) **Tính thống nhất, đồng bộ** của hệ thống pháp luật; (ii) **Khả năng thi hành và tuân thủ** pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; (iii) **Khả năng thi hành và tuân thủ** của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Trong số 03 nội dung trên, riêng với nội dung số (ii) đánh giá về “*khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân*” là nội dung tổng hợp một số nội dung đã được đề cập trong phần ĐGTĐ kinh tế, xã hội và TTHC<sup>(40)</sup>. Ví dụ, phần ĐGTĐ kinh tế đã đề cập tới khả năng làm gia tăng chi phí tuân thủ cho các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách, đồng thời làm tăng chi phí ngân sách nhà nước cho việc đảm bảo thi hành chính sách. Khi đó, thông thường các nội dung này sẽ được dẫn chiếu lại một cách ngắn gọn trong phần đánh giá khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Liên quan tới nội dung số (i) và (iii), đây là 02 nội dung mang tính rà soát khá kỹ thuật để xác định các xung đột, mâu thuẫn, chông chéo (nếu có) giữa chính sách được đánh giá và các văn bản hiện có trong hệ thống pháp luật, bao gồm cả các điều ước quốc tế có liên quan. Đối với nội dung (i) đánh giá “*tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật*”, Báo cáo ĐGTĐCS cần đánh giá được tác động của chính sách với các quy định của Hiến pháp 2013 và quy định của các VBQPPL có liên quan, bao gồm các VBQPPL hiện hành có giá trị pháp lý cao hơn hoặc do cơ quan cùng cấp có thẩm quyền ban hành về các vấn đề có liên quan trong nội dung chính sách<sup>(41)</sup>. Lưu ý rằng việc đánh giá tính thống nhất, đồng bộ không phải lúc nào cũng cho ra kết quả là chính sách phải thống nhất, phù hợp với các VBQPPL có liên quan (bởi thực tế việc đề xuất chính sách mới có thể dẫn tới việc phải thay đổi quy định pháp luật hiện hành). Đối với nội dung (iii) đánh giá về “*khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên*”, Báo cáo ĐGTĐCS cần đảm bảo đã rà soát tất cả các điều ước quốc tế có liên quan tới nội dung chính sách và đảm bảo nội dung chính sách đề xuất phải tương thích với các điều ước quốc tế đó.

<sup>(39)</sup> Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 3, điểm b.

<sup>(40)</sup> Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 37.

<sup>(41)</sup> Quyết định 2410/QĐ-BTP, Mục I.4.

Từ những nội dung phân tích trên, việc đánh giá nội dung Tác động với hệ thống pháp luật sẽ theo tiêu chí sau:

**Tiêu chí 9: Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và khả năng thi hành, tuân thủ pháp luật**

Đơn vị/Người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

**CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 9**

**• Tính thống nhất, đồng bộ:**

- Báo cáo ĐGTĐCS đã rà soát và ĐGTĐ của chính sách với Hiến pháp, các Điều ước quốc tế và VBQPPL hiện hành có liên quan hay chưa? Còn Điều ước quốc tế hay VBQPPL nào có liên quan tới nội dung chính sách nhưng chưa được đánh giá hay không?

- Các nội dung được đánh giá là chưa phù hợp/còn mâu thuẫn có đúng hay không? Báo cáo có chỉ rõ được điểm chưa phù hợp/còn mâu thuẫn hay không hoặc chỉ rõ vấn đề cần phải sửa đổi quy định pháp luật hiện hành cho phù hợp với thực tiễn? Các phân tích có đúng hay không? (Ví dụ Báo cáo ĐGTĐCS kết luận rằng một giải pháp chính sách được đề xuất có điểm chưa phù hợp với một số VBQPPL trong các lĩnh vực khác, tuy nhiên không có các phân tích cụ thể; hoặc có phân tích cụ thể lý do mâu thuẫn nhưng khi đơn vị/người thẩm định đánh giá lại thì nhận thấy các nội dung này không mâu thuẫn...).

- Các nội dung được đánh giá là phù hợp/không mâu thuẫn có đúng hay không? Có giải pháp nào có khả năng tạo ra sự không phù hợp/mâu thuẫn với các văn bản hiện hành hay không? (Ví dụ Báo cáo nhận định rằng giải pháp chính sách phù hợp với tất cả các VBQPPL trong phạm vi rà soát, tuy nhiên đơn vị/người thẩm định nhận thấy vẫn còn có điểm chưa thực sự thống nhất giữa chính sách đề xuất với một/một số quy định pháp luật hiện hành hoặc chính sách đề xuất có thể phá vỡ một chế định pháp lý được quy định tại nhiều văn bản pháp luật khác nhau...).

**• Khả năng thi hành, tuân thủ pháp luật:** Các nội dung ĐGTĐ đối với hệ thống pháp luật có dẫn chiếu lại các nội dung ĐGTĐ kinh tế, xã hội, TTHC có liên quan hay không? Các nội dung ĐGTĐ kinh tế, xã hội, TTHC cho thấy mức độ khả thi của chính sách như thế nào? (Ví dụ một chính sách trong lĩnh vực lao động dự kiến có tác động xã hội rất tốt, tuy nhiên chi phí tuân thủ rất lớn nên có thể không thực sự khả thi đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa...)

**2.5. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP LỰA CHỌN (TRONG ĐÓ CÓ XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN BAN HÀNH CHÍNH SÁCH ĐỂ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ)**

Để lựa chọn giải pháp tối ưu, Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS yêu cầu việc kiến nghị lựa chọn giải pháp phải thực hiện trên cơ sở phân tích, **so sánh tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp**. Phương án tối ưu nhất là phương án được cân nhắc trên cơ sở tổng hợp các phân tích, đánh giá trên cả 05 khía cạnh ĐGTĐCS, bao gồm cả tác động về giới và TTHC, nếu có. Giải pháp được coi là tối ưu khi đây là giải pháp **hợp lý, khả thi và hiệu quả nhất** để giải quyết được vấn đề thực tiễn, đạt được mục tiêu chính sách. Tính khả thi của giải pháp có thể xem xét ở một số khía cạnh như về nội dung hoạt động, nguồn lực, phương pháp thực hiện, công nghệ và hệ thống, khả thi về lịch trình thực hiện,



các điều kiện về thực thi, giám sát, đánh giá...<sup>(42)</sup>. Đơn vị/người thẩm định có thể tham khảo thêm các kinh nghiệm có liên quan tại đề cập tại Phụ lục I và **mục 6, Phụ lục II, Phần C** của Tài liệu này.

Liên quan tới việc xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề, khoản 5, Điều 5, Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định việc xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là một trong những hoạt động của việc xây dựng nội dung của chính sách. Việc xác định thẩm quyền này cần đảm bảo sự phù hợp các quy định có liên quan tại Luật BHVBQPPL.

Từ những nội dung phân tích trên, việc đánh giá nội dung kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề) sẽ theo tiêu chí sau:

**Tiêu chí 10: Tính tối ưu của giải pháp được kiến nghị lựa chọn và tính chính xác của việc xác định thẩm quyền ban hành chính sách**

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thỏa mãn tiêu chí này hay chưa:

**CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 10**

- Báo cáo ĐGTĐCS có so sánh lợi ích, chi phí, tác động tích cực, tiêu cực giữa các giải pháp hay không? Việc so sánh có thực hiện đủ trên 05 nội dung ĐGTĐ kinh tế, xã hội, giới, hệ thống pháp luật, TTHC hay không? (*Lưu ý nội dung về giới và TTHC không phải chính sách nào cũng có*)
- Giải pháp được lựa chọn có phải là giải pháp có hiệu số/tỷ lệ lợi ích so với chi phí cao nhất trong số các phương án hay không? Nếu không phải thì lý do nào được đưa ra để lựa chọn giải pháp theo đề xuất? (*Lưu ý rằng có nhiều trường hợp giải pháp có hiệu số/tỷ lệ lợi ích – chi phí cao nhất không phải là giải pháp tối ưu do không phải là giải pháp hợp lý, khả thi và hiệu quả nhất...*)
- Giải pháp được kiến nghị lựa chọn có phải là giải pháp hợp lý, khả thi và hiệu quả nhất để giải quyết vấn đề bất cập, đạt được mục tiêu chính sách hay không? (*Ví dụ có khả thi về nguồn lực, thời gian, phương pháp, công nghệ, hệ thống... hay không*)
- Báo cáo ĐGTĐCS đã xác định thẩm quyền ban hành chính sách hay chưa? Thẩm quyền được xác định có phù hợp với quy định tại Chương II – Thẩm quyền ban hành, nội dung VBQPPL của Luật BHVBQPPL hay không?

<sup>(42)</sup> Bộ LĐTBXH, Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động xã hội và đánh giá tác động về giới, trang 55.

## 2.6. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP GIỮA NỘI DUNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH VỚI NHAU VÀ VỚI PHẦN XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN, VÀ SỰ PHÙ HỢP GIỮA TÊN VÀ NỘI DUNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH

Như đã đề cập trong phần đầu của Tài liệu này, các chính sách được đánh giá trong **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** của Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS theo Nghị định 154/2020/NĐ-CP có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và với các nội dung tại **Phần I – Xác định vấn đề bất cập tổng quan** trong Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS. Cụ thể, các chính sách được ĐGTĐ trong **Phần II** của Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS cần đảm bảo sự phù hợp với bối cảnh và mục tiêu xây dựng chính sách nói chung, bao gồm mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể đã được đề cập tại **Phần I** của Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS.

Do đó, sau khi đã đánh giá riêng lẻ từng chính sách trong **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** của mỗi Báo cáo ĐGTĐCS, đơn vị/người thẩm định cần thiết phải xem xét **sự phù hợp** giữa các chính sách trong phần này với nhau, và với bối cảnh, mục tiêu xây dựng chính sách nói chung tại **Phần I – Xác định vấn đề bất cập tổng quan** của Báo cáo.

Ngoài ra, cũng cần xem xét **sự phù hợp** giữa tên chính sách và các nội dung chính sách. Vấn đề này thích hợp để đơn vị/người thẩm định xem xét sau khi đã đánh giá các nội dung cụ thể của mỗi chính sách và hiểu rõ bản chất của chính sách được đánh giá, từ đó kết luận được tên của chính sách đã phản ánh đúng nội hàm của chính sách hay chưa.

Theo đó, sẽ có 01 tiêu chí để đánh giá các nội dung được đề cập:

**Tiêu chí 11: Sự phù hợp giữa nội dung của các chính sách với nhau và với phần Xác định vấn đề bất cập tổng quan; sự phù hợp giữa tên và nội dung của các chính sách**

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thỏa mãn tiêu chí này hay chưa:

### CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 11

- Nội dung của các chính sách được đánh giá tại **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** trong Báo cáo ĐGTĐCS có bị trùng lặp, chồng chéo, mâu thuẫn hay không? Các chính sách này có mối liên hệ với nhau hay không, có được trình bày một cách logic hay chưa? Có chính sách nào tham chiếu/sử dụng kết quả đánh giá của chính sách khác hay không (nếu có thì có phù hợp hay không)?

- Các vấn đề bất cập, mục tiêu giải quyết vấn đề bất cập trong các chính sách cụ thể tại **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** có tương thích với bối cảnh và mục tiêu xây dựng chính sách (bao gồm cả mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể) đã được nêu tại **Phần I – Xác định vấn đề bất cập tổng quan** của Báo cáo hay chưa? Có mục tiêu cụ thể nào được đề cập trong **Phần I** mà chưa đảm bảo đạt được thông qua các chính sách tại **Phần II** hay không? Có chính sách nào tại **Phần II** đặt ra các mục tiêu vượt quá so với mục tiêu tổng thể và cụ thể đã được nêu tại **Phần I** hay không?

Tên của các chính sách được đặt ra đã phù hợp với bản chất, nội hàm của các chính sách hay chưa? Có tên chính sách nào không tương thích với nội dung của chính sách hay không? Có tên chính sách nào quá dài và có thể rút ngắn lại? Có tên chính sách nào có thể sửa đổi để rõ nghĩa hơn?

### 3. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG Ý KIẾN THAM VẤN TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội lập đề nghị xây dựng VBQPPL có trách nhiệm lấy ý kiến góp ý, phản biện dự thảo báo cáo ĐGTĐCS; tiếp thu, chỉnh lý dự thảo báo cáo (Điểm b, khoản 1, Điều 8). Theo đó, đối với các trường hợp lập đề nghị xây dựng VBQPPL (07 văn bản thuộc *Nhóm các văn bản phải ĐGTĐCS trong giai đoạn lập đề nghị* được liệt kê tại **Nhóm 1** của **Hộp 1** đầu **Phần A** này), bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo Báo cáo ĐGTĐ. Đối với các trường hợp thuộc *Nhóm các văn bản phải ĐGTĐCS trong giai đoạn soạn thảo* (06 văn bản được liệt kê tại **Nhóm 2** của **Hộp 1** đầu **Phần A** này) thì không bắt buộc phải lấy ý kiến đối với dự thảo Báo cáo ĐGTĐCS. Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể thực hiện việc lấy ý kiến đối với dự thảo Báo cáo ĐGTĐCS nếu thấy cần thiết. Tương tự như vậy, các trường hợp đặc biệt khi ĐGTĐCS đối với chính sách được đề xuất mới, thời hạn xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS trong trường hợp này là 10 ngày và không bắt buộc phải lấy ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể thực hiện việc lấy ý kiến tham vấn nếu cần thiết.

Mục III của Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS đưa ra nội dung về việc lấy ý kiến tham vấn như sau: “*Phần này nêu rõ việc lấy ý kiến về dự thảo báo cáo ĐGTĐ của chính sách (mô tả phương pháp lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý)*”. Các quy định hiện hành không quy định cụ thể về phương pháp, đối tượng, địa bàn... lấy ý kiến. Các hướng dẫn kỹ thuật về việc ĐGTĐCS thường đưa ra các khuyến nghị về việc phương pháp lấy ý kiến phải **phù hợp với đối tượng** (thường là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, cán bộ quản lý nhà nước, chuyên gia, các tổ chức xã hội), **địa bàn** (theo khu vực địa lý, mức độ phát triển kinh tế, đa dạng văn hoá...), **bối cảnh kinh tế - xã hội** (như dịch bệnh)... Nội dung tham vấn phải **rõ ràng, gắn liền với các chính sách** đang được đánh giá. Lưu ý không tham vấn quá nhiều nội dung với một/một nhóm đối tượng. Việc tham vấn có thể được tổ chức dưới một hay kết hợp nhiều hình thức khác nhau, như: khảo sát ý kiến bằng bảng hỏi gửi trực tiếp hoặc trực tuyến, phỏng vấn trực tiếp đối tượng, hội nghị tham vấn trong quá trình ĐGTĐCS; lấy ý kiến thông qua việc công bố dự thảo báo cáo ĐGTĐCS trên trang thông tin điện tử (website) của cơ quan đề xuất chính sách, đơn vị thực hiện ĐGTĐCS hoặc gửi dự thảo tới trực tiếp đối tượng cần lấy ý kiến...<sup>(43)</sup>.

Trên thực tế, việc lấy ý kiến đối với Báo cáo ĐGTĐCS phụ thuộc vào nhiều yếu tố, đặc biệt là nguồn lực của cơ quan chủ trì soạn thảo. Trường hợp nguồn lực cho phép, và cân nhắc tới khả năng tác động của chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể lấy ý kiến các đối tượng liên quan ngay từ những bước đầu của quá trình ĐGTĐCS, ví dụ như tham vấn về nguyên nhân của vấn đề bất cập hay những giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề... nhằm nâng cao chất lượng và tính thực tiễn của Báo cáo ĐGTĐCS. Đơn vị/người thẩm định có thể tham khảo thêm các kinh nghiệm có liên quan tại Phụ lục I và tại **mục 7, Phụ lục II, Phần C** của Tài liệu này.

---

<sup>(43)</sup> Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 78.

Theo trên những nội dung phân tích trên, việc đánh giá **Phần III – Ý kiến tham vấn** trong Báo cáo ĐGTĐCS sẽ được thực hiện theo tiêu chí sau:

**Tiêu chí 12: Sự phù hợp của việc lấy ý kiến tham vấn**

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

**CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 12**

- VBQPPL có các chính sách được đánh giá có thuộc các trường hợp phải lấy ý kiến đối với Dự thảo Báo cáo ĐGTĐCS hay không? Nếu có thì Báo cáo đã có các nội dung liên quan đến lấy ý kiến tham vấn dự thảo Báo cáo hay chưa?
- Phương pháp lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý được mô tả có phù hợp hay không? (Ví dụ còn đối tượng nào chịu tác động trực tiếp của chính sách nên được lấy ý kiến tham vấn mà chưa thực hiện? Phương thức lấy ý kiến tham vấn có phù hợp với đối tượng, địa bàn... hay không? Nội dung lấy ý kiến có phù hợp với nội dung của các chính sách được ĐGTĐ hay không?...)

**4. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ PHẦN GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

Theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS, **Phần IV – Giám sát và đánh giá yêu cầu** “Phần này nêu rõ cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách”. Liên quan tới việc tổ chức thi hành chính sách, hiện nay hệ thống các cơ quan chấp hành tại Trung ương và địa phương có trách nhiệm trong việc tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật, cụ thể như sau:

**Hộp 2: Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chấp hành tại Trung ương và địa phương trong tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật theo quy định hiện hành**

**1. CẤP TRUNG ƯƠNG – CHÍNH PHỦ<sup>(44)</sup>**

(i) Ban hành kịp thời và đầy đủ các văn bản pháp luật để thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước và để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong các VBQPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và của chính quyền địa phương; kiểm tra việc thi hành các văn bản đó và xử lý các văn bản trái Hiến pháp và pháp luật.

(ii) Quyết định các biện pháp để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, nghị định, chương trình công tác của Chính phủ.

<sup>(44)</sup> Luật Tổ chức Chính phủ, Điều 6.

(iii) Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và các nguồn lực khác để thi hành Hiến pháp và pháp luật; thống nhất quản lý công tác hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp, bồi thường nhà nước, thi hành án.

(iv) Tổng hợp đánh giá tình hình thi hành Hiến pháp, pháp luật và báo cáo với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước theo quy định của pháp luật.

## **2. CẤP ĐỊA PHƯƠNG – ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP<sup>(45)</sup>**

(i) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐND cùng cấp.

(ii) Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật).

Như vậy, có thể thấy rằng các cơ quan chấp hành tại cấp Trung ương và địa phương đều có trách nhiệm thực thi chính sách. Ngoài ra, quá trình thi hành chính sách còn có thể có sự tham gia của nhiều chủ thể khác như các tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân... Tuy nhiên cần lưu ý **Phần IV – Giám sát và đánh giá** của Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS chỉ yêu cầu liệt kê “cơ quan” (thuộc Nhà nước) “chịu trách nhiệm” tổ chức thi hành chính sách. Do đó nếu Báo cáo ĐGTĐCS liệt kê các tổ chức, cá nhân khác ngoài các cơ quan chấp hành theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ 2015 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 thì chưa thực sự phù hợp.

Liên quan tới việc giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015 quy định “**Giám sát là việc chủ thể giám sát theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát trong việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý**”<sup>(46)</sup>. Chủ thể giám sát theo quy định của Luật này được xác định bao gồm: “Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND”<sup>(47)</sup>. Như vậy, các chủ thể giám sát này có trách nhiệm theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan tổ chức thi hành chính sách. Tương tự như trường hợp thi hành chính sách, nếu Báo cáo ĐGTĐCS liệt kê các tổ chức, cá nhân khác ngoài các chủ thể giám sát theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015 thì cũng chưa thực sự phù hợp. Đơn vị/người thẩm định có thể tham khảo thêm các kinh nghiệm có liên quan tại Phụ lục I và tại **mục 8, Phụ lục II, Phần C** của Tài liệu này.

<sup>(45)</sup> Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015, Điều 21, khoản 1, khoản 6, Điều 28, khoản 1, khoản 4; Điều 35, khoản 1; Điều 42, khoản 1; Điều 49, khoản 1, khoản 3; Điều 58, khoản 1; Điều 63, khoản 1; Điều 70, khoản 1.

<sup>(46)</sup> Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015, Điều 2, khoản 1.

<sup>(47)</sup> Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015, Điều 2, khoản 2.

Theo trên những nội dung phân tích phía trên, tiêu chí sau đây được xác định để đánh giá chất lượng của **Phần IV – Giám sát và đánh giá** trong Báo cáo ĐGTĐCS:

**Tiêu chí 13: Sự phù hợp của việc xác định cơ quan thi hành và giám sát**

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

**CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 13**

- Các cơ quan được xác định là cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách đã đầy đủ và chính xác hay không (xác định theo Luật Tổ chức Chính phủ 2015 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015)? Có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào không chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách nhưng vẫn được đề cập? Có cơ quan nào theo quy định phải tham gia vào việc tổ chức thi hành chính sách nhưng chưa được đề cập?
- Các cơ quan được xác định là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách đã đầy đủ và chính xác hay chưa (xác định theo Chủ thể giám sát trong Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015)? Có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào không chịu trách nhiệm giám sát đánh giá theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015 nhưng vẫn được đề cập trong Báo cáo ĐGTĐCS hay không?

**5. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

Bên cạnh việc tuân thủ các nội dung xây dựng chính sách, Báo cáo ĐGTĐCS còn cần đáp ứng một số yêu cầu khác về phương pháp ĐGTĐCS, sử dụng thông tin ĐGTĐCS cũng như hình thức của Báo cáo ĐGTĐCS, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, Điều 7 Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định về **phương pháp ĐGTĐCS** như sau: *“Tác động của chính sách được đánh giá theo phương pháp định lượng, phương pháp định tính. Trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp định lượng thì trong báo cáo đánh giá tác động của chính sách phải nêu rõ lý do.”*. **Phụ lục III, Phần C** của Tài liệu này có cung cấp một Bảng so sánh ngắn gọn giữa phương pháp định lượng và định tính để đơn vị/người thẩm định có thể hình dung được sự khác biệt cơ bản giữa 02 phương pháp nghiên cứu này.

*Thứ hai*, liên quan đến **thông tin, dữ liệu** sử dụng trong Báo cáo ĐGTĐCS, Nghị định 34/2016/NĐ-CP yêu cầu thông tin được sử dụng khi xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS *“phải chính xác, trung thực và ghi rõ nguồn thông tin”*<sup>48</sup>. Trên thực tế, các nội dung thường được trích dẫn nguồn thông tin trong các Báo cáo ĐGTĐCS có thể kể tới như các số liệu phục vụ tính toán chi phí – lợi ích, chi phí tuân thủ TTHC, hay các nhận định của chuyên gia, hoặc phần mô tả thực trạng, hệ quả của vấn đề cần giải quyết...

*Cuối cùng*, như đã trình bày, Báo cáo ĐGTĐCS cần tuân thủ **hình thức theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS** theo quy định tại Nghị định 154/2020/NĐ-CP.

<sup>48</sup> Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 9

Dựa trên những nội dung phân tích trên, tiêu chí sau đây được xác định để đánh giá chất lượng của một số nội dung khác trong Báo cáo ĐGTĐCS:

**Tiêu chí 14: Tính phù hợp trong việc áp dụng phương pháp ĐGTĐCS; tính chính xác và trung thực của thông tin sử dụng trong Báo cáo ĐGTĐCS; và tính tuân thủ về mặt hình thức của Báo cáo ĐGTĐCS**

Đơn vị/người thẩm định có thể căn cứ vào các câu hỏi gợi ý sau đây để xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn tiêu chí này hay chưa:

#### **CÂU HỎI GỢI Ý CHO TIÊU CHÍ 14**

- Báo cáo ĐGTĐCS có áp dụng phương pháp định lượng hay không?
  - Nếu CÓ áp dụng phương pháp định lượng thì dữ liệu định lượng (số liệu) có được phân tích rõ ràng và logic hay không?
  - Nếu KHÔNG áp dụng phương pháp định lượng thì có nêu rõ lý do hay không? Lý do đưa ra có phù hợp với thực tế khách quan (*VD hạn chế về số liệu thống kê...*) hay không?
- Báo cáo ĐGTĐCS có áp dụng phương pháp định tính hay không? Nếu có thì các lý giải, lập luận có được phân tích rõ ràng và logic hay không?
- Thông tin được sử dụng trong Báo cáo ĐGTĐCS có chính xác, trung thực hay không? (*Ví dụ: Có sự xung đột nào khi đối chiếu lại với thông tin trong nguồn dữ liệu gốc được trích dẫn hay qua các nguồn thông tin khác có thể kiểm chứng được hay không? Có thông tin nào không còn cập nhật, phù hợp với thực tiễn hay không?...*)
- Báo cáo ĐGTĐCS có trích dẫn đầy đủ các nguồn thông tin hay không? Các nguồn thông tin có phù hợp và đáng tin cậy hay không? (*Ví dụ nguồn thông tin có phải từ nguồn số liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức có uy tín hay tạp chí khoa học đáng tin cậy... hay không?*)
- Báo cáo ĐGTĐCS có tuân thủ theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS theo quy định hay không? (*Ví dụ có thiếu nội dung/phần nào theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS hay không? Đã được ký, đóng dấu bởi cơ quan, tổ chức lập đề nghị, cơ quan chủ trì soạn thảo hay chưa?...*)



# PHẦN B

## BẢNG HỎI ĐÁNH GIÁ

### BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH





## BẢNG HỎI ĐÁNH GIÁ

### BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

#### HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BẢNG HỎI

1. Bảng hỏi này tổng hợp lại 14 tiêu chí đã được trình bày tại **Phần A** của Tài liệu cùng các câu hỏi gợi ý xác định mỗi tiêu chí để tạo thành 01 mẫu bảng hỏi xuyên suốt đánh giá toàn diện một Báo cáo ĐGTĐCS. Trong quá trình sử dụng bảng hỏi, đơn vị/người thẩm định có thể cần phải tham chiếu lại các nội dung liên quan tới từng tiêu chí tại **Phần A** của Tài liệu này (đặc biệt là các nội dung tổng hợp quy định pháp luật và các hướng dẫn kỹ thuật tương ứng), đồng thời thực hiện các hoạt động cần thiết khác như tham chiếu tới các quy định pháp luật có liên quan hay thực hiện tham vấn với các chuyên gia, nhà khoa học... để đảm bảo sự chính xác trong việc xác định Báo cáo ĐGTĐCS đã thoả mãn các tiêu chí hay chưa.

2. Có 03 mức độ để đánh giá 01 tiêu chí, bao gồm “Đạt yêu cầu”, “Tương đối” và “Chưa đạt”. Trong đó, mức độ “Đạt yêu cầu” đồng nghĩa với việc Báo cáo đã đảm bảo tốt chất lượng ĐGTĐCS xét từ khía cạnh được đánh giá. Mức độ “Tương đối” thể hiện Báo cáo đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên có thể còn một số nội dung cần hoàn thiện. Trường hợp “Chưa” là khi Báo cáo ĐGTĐCS không thể hiện được các nội dung bắt buộc phải có theo luật định, hoặc nội dung quá sơ sài và không cho thấy được bất kỳ thông tin hữu ích nào cho việc ĐGTĐCS. Việc diễn giải ý nghĩa của 03 mức độ đánh giá này trong từng tiêu chí cụ thể sẽ phụ thuộc vào nội hàm của tiêu chí được đánh giá.

3. Với các tiêu chí đánh giá nội dung tại **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS (bao gồm tiêu chí đánh giá việc xác định vấn đề bất cập, mục tiêu giải quyết vấn đề, các giải pháp đề xuất, 5 khía cạnh ĐGTĐCS, và kiến nghị giải pháp lựa chọn), để kết luận được Báo cáo “Đạt yêu cầu”, “Tương đối”, hoặc “Chưa” trong mỗi tiêu chí, đơn vị/người thẩm định phải đánh giá riêng lẻ mỗi một chính sách (vì Báo cáo ĐGTĐCS thường có nhiều hơn 01 chính sách) và tổng hợp lại để đưa ra kết luận chung về mức độ thoả mãn tiêu chí của toàn bộ Báo cáo ĐGTĐCS.

## TIÊU CHÍ 1: SỰ PHÙ HỢP CỦA PHẦN XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN



Phần Xác định vấn đề bất cập tổng quan của Báo cáo ĐGTĐCS đã phù hợp hay chưa?

CHƯA ĐẠT

TƯƠNG ĐỐI

ĐẠT YÊU CẦU

**Ghi chú** (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Gợi ý:**

- Phần bối cảnh có nêu được các đặc trưng về bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội trong lĩnh vực điều chỉnh bởi VBQPPL được xây dựng/soạn thảo hay không? Các thông tin đã đảm bảo tính cập nhật hay chưa? (Ví dụ có nêu được các chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, những điểm nhấn mới nhất về mặt kinh tế, xã hội... trong lĩnh vực điều chỉnh của VBQPPL hay không?)
- Các nội dung trong phần bối cảnh có mô tả được các vấn đề bất cập cần giải quyết hay không? Những vấn đề bất cập này đã đúng và đủ chưa? Có vấn đề bất cập nào chưa thực sự phù hợp hoặc còn thiếu bất cập nổi bật nào hay không? Các bất cập được nêu có phù hợp với bối cảnh chung đã được phân tích hay không?
- Các nội dung trong phần bối cảnh của Báo cáo ĐGTĐCS có tương thích với các nội dung tương ứng trong các tài liệu khác của hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL hay hồ sơ dự thảo VBQPPL hay không?
- Báo cáo có bao gồm đủ 02 nội dung mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể không?
- Các mục tiêu cụ thể có phù hợp, tương thích với mục tiêu tổng thể hay không?
- Các mục tiêu tổng thể và cụ thể có hướng tới giải quyết những vấn đề bất cập tổng quan tại phần bối cảnh xây dựng chính sách không?

## TIÊU CHÍ 2: SỰ PHÙ HỢP CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP



Phân xác định vấn đề bất cập của các chính sách trong mục Đánh giá tác động của chính sách đã phù hợp hay chưa?

CHƯA ĐẠT

TƯƠNG ĐỐI

ĐẠT YÊU CẦU

**Ghi chú** (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Gợi ý:**

- Báo cáo có chỉ ra được vấn đề bất cập hiện nay hay không? (Ví dụ bất cập trong việc thực thi quyền và nghĩa vụ của người dân, bất cập về quản lý nhà nước trong lĩnh vực cụ thể...)
- Báo cáo có phân tích được các tác động/ảnh hưởng tiêu cực (hậu quả) của vấn đề bất cập hay không? (Ví dụ như ảnh hưởng đến việc thực thi các điều ước quốc tế, không đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích chính đáng của người dân...)
- Phân phân tích về các tác động/ảnh hưởng tiêu cực (hậu quả) có chỉ ra được các đối tượng bị tác động/ảnh hưởng hay không? (Ví dụ như người dân, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực/ngành nhất định...)
- Báo cáo có phân tích được nguyên nhân của vấn đề bất cập hay không? (Ví dụ như bất cập xuất phát từ sự không phù hợp của văn bản pháp luật với yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội? Hay bất cập từ việc đã có quy định nhưng quy định chồng chéo, mâu thuẫn?...)
- Nguyên nhân của vấn đề bất cập có được xác định đúng hay không? (Ví dụ nguyên nhân có phải là nguyên nhân trực tiếp, chính yếu dẫn tới vấn đề bất cập không? Hay chỉ là nguyên nhân gián tiếp? Có vấn đề giới hạn hay khía cạnh giới hạn nào trong các nguyên nhân mà Báo cáo chưa đề cập hay không?...)

### TIÊU CHÍ 3: SỰ PHÙ HỢP CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ



Phân mục tiêu giải quyết vấn đề của các chính sách trong mục Đánh giá tác động của chính sách đã phù hợp hay chưa?

CHƯA ĐẠT

TƯƠNG ĐỐI

ĐẠT YÊU CẦU

**Ghi chú** (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Gợi ý:**

- Mục tiêu giải quyết vấn đề có tương xứng với các nguyên nhân chính, trực tiếp đã được xác định tại phần Xác định vấn đề bất cập hay không? (Ví dụ, nếu phân xác định nguyên nhân chỉ ra 02 nguyên nhân chính dẫn đến vấn đề bất cập thì đã có các mục tiêu tương ứng để khắc phục 02 nguyên nhân đó hay chưa?..)
- Mục tiêu giải quyết vấn đề có được xác định rõ ràng hay không? (Ví dụ mục tiêu được nêu cụ thể, đo lường được, có tính khả thi, phù hợp với thực tế, và được xác định trong khoảng thời gian cụ thể?..)

## TIÊU CHÍ 4: SỰ PHÙ HỢP CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ



Phân các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề của các chính sách trong mục Đánh giá tác động của chính sách đã phù hợp hay chưa?

CHƯA ĐẠT

TƯƠNG ĐỐI

ĐẠT YÊU CẦU

**Ghi chú** (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Gợi ý:**

- Trong mỗi chính sách, Báo cáo ĐGTĐCS có giải pháp giữ nguyên hiện trạng hay không? Ngoài giải pháp giữ nguyên hiện trạng thì Báo cáo có đưa ra thêm được tối thiểu 02 giải pháp khác hay không?
- Các giải pháp được đề xuất có gắn với các mục tiêu giải quyết vấn đề đã được xác định hay không?
- Các giải pháp có cân xứng với quy mô, phạm vi, đối tượng tác động, khắc phục được trúng và đúng các nguyên nhân trực tiếp hay không?
- Có bắt buộc phải ban hành VBQPPL để đạt được mục tiêu giải quyết vấn đề hay không? Liệu có công cụ nào khác phù hợp hơn để đạt được mục tiêu hay không?

## TIÊU CHÍ 5: SỰ PHÙ HỢP CỦA CÁC PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG VỀ KINH TẾ



Phân phân tích tác động về kinh tế của các chính sách trong mục Đánh giá tác động của chính sách đã phù hợp hay chưa?

CHƯA ĐẠT

TƯƠNG ĐỐI

ĐẠT YÊU CẦU

**Ghi chú** (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Gợi ý:**

- Báo cáo có xác định được các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan từ khía cạnh kinh tế hay không? Các đối tượng được xác định đã đúng và đủ hay chưa (*thông thường sẽ có 03 nhóm đối tượng: (i) Nhà nước; (ii) Doanh nghiệp, tổ chức khác; (iii) Cá nhân*)? Còn nhóm đối tượng nào có khả năng bị tác động mà Báo cáo chưa đề cập, đặc biệt là các nhóm yếu thế (như người dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật, người dân ở các vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người lao động di cư...)? Có đối tượng nào được xác định là có tác động nhưng trên thực tế sẽ không chịu tác động?
- Báo cáo đã xác định được các tác động về kinh tế (phân tích chi phí và lợi ích) lên các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan chưa? Còn chi phí hay lợi ích nào bị bỏ sót hay không? Có chi phí hay lợi ích nào được xác định tại Báo cáo nhưng trên thực tế sẽ không phát sinh?
- Các tính toán chi phí và lợi ích có đúng hay không? (*Ví dụ số lượng đối tượng chịu tác động đã đúng với thực tế hay chưa? Số tiền được tính toán có đúng hay không?...*)
- Báo cáo có các bảng biểu tính toán chi phí và lợi ích được đính kèm trong phụ lục hay không? Có bảng biểu nào được nêu trong phần chính của Báo cáo mà trong phụ lục không có? Có điểm mâu thuẫn nào giữa nội dung được trình bày trong phần chính của Báo cáo và nội dung tại các bảng biểu tương ứng tại phụ lục hay không?

## TIÊU CHÍ 6: SỰ PHÙ HỢP CỦA CÁC PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI



Phân phân tích tác động về xã hội của các chính sách trong mục Đánh giá tác động của chính sách đã phù hợp hay chưa?

CHƯA ĐẠT

TƯƠNG ĐỐI

ĐẠT YÊU CẦU

**Ghi chú** (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Gợi ý:**

- Báo cáo có xác định được các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan từ khía cạnh xã hội hay không? Các đối tượng được xác định đã đúng và đủ hay chưa (*thông thường sẽ có 03 nhóm đối tượng: (i) Nhà nước; (ii) Doanh nghiệp, tổ chức khác; (iii) Cá nhân*)? Còn nhóm đối tượng nào có khả năng bị tác động mà Báo cáo chưa đề cập, đặc biệt là các nhóm yếu thế (như người dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật, người dân ở các vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người lao động di cư...)? Có đối tượng nào được xác định là có tác động nhưng trên thực tế sẽ không chịu tác động?
- Báo cáo đã xác định được các tác động về mặt xã hội ở các khía cạnh nào trong số 13 nội dung theo quy định? Còn khía cạnh nào (có thể ngoài 13 nội dung theo quy định) có khả năng chịu tác động của chính sách mà Báo cáo chưa đề cập?
- Với mỗi khía cạnh/nội dung chịu tác động về mặt xã hội, Báo cáo có nêu được các chỉ tiêu ĐGTD cụ thể hay không? (*Ví dụ, Báo cáo xác định chính sách có tác động về mặt Việc làm thì cụ thể tác động đó được thể hiện như thế nào - như giúp nâng cao năng suất lao động, bảo vệ lao động nữ, giúp giảm tỷ lệ thất nghiệp...*)
- Trong mỗi lĩnh vực, Báo cáo có phân tích được các tác động tích cực và tiêu cực lên các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan hay không?

## TIÊU CHÍ 7: SỰ PHÙ HỢP CỦA CÁC PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI



Phân phân tích tác động về giới (nếu có) của các chính sách trong mục Đánh giá tác động của chính sách đã phù hợp hay chưa?

CHƯA ĐẠT

TƯƠNG ĐỐI

ĐẠT YÊU CẦU

**Ghi chú** (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Gợi ý:**

- Trong trường hợp Báo cáo CÓ đề cập tới vấn đề bất cập về giới/khía cạnh giới tại phần Xác định vấn đề bất cập và Mục tiêu giải quyết vấn đề thì trong các nội dung tại phần Đánh giá tác động của các giải pháp có các phân tích tác động về giới tương ứng hay không?
- Trong trường hợp Báo cáo KHÔNG đề cập tới vấn đề bất cập về giới/khía cạnh giới tại phần Xác định vấn đề bất cập và Mục tiêu giải quyết vấn đề thì trong các nội dung tại phần Đánh giá tác động của các giải pháp, có các phân tích tác động về kinh tế và xã hội nào cho thấy có khả năng tạo ra sự khác biệt của các tác động đó đối với mỗi giới hay không?
- Các tác động về giới (nếu có) có phân tích được các tác động về cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới hay không?



**TIÊU CHÍ 8: TÍNH CẦN THIẾT, HỢP PHÁP, HỢP LÝ VÀ SỰ PHÙ HỢP CỦA  
CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TTHC**



Các TTHC (nếu có) trong các chính sách đã đảm bảo sự cần thiết, hợp pháp, hợp lý và phù hợp về mặt chi phí tuân thủ hay chưa?

CHƯA ĐẠT

TƯƠNG ĐỐI

ĐẠT YÊU CẦU

**Ghi chú** (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Gợi ý:**

- **Tính cần thiết:** Báo cáo có nêu rõ TTHC phục vụ cho nhu cầu quản lý nhà nước trong ngành, lĩnh vực nào và bảo đảm việc thực hiện quyền, nghĩa vụ nào của cá nhân, tổ chức? Các lý do được đưa ra có cho thấy sự cần thiết của TTHC hay không? Trong những phương án, giải pháp được đưa ra có giải pháp nào phù hợp hơn so với việc ban hành TTHC hay không? (Ví dụ có thể thực hiện hậu kiểm thay vì yêu cầu thực hiện TTHC không?). Lý do lựa chọn phương án, giải pháp quy định TTHC có xác đáng không?
- **Tính hợp pháp:** Báo cáo có xác định thẩm quyền ban hành TTHC hay không? Thẩm quyền được xác định có phù hợp với quy định pháp luật hay không<sup>49</sup>? Nội dung xác định về việc TTHC có hay không mâu thuẫn, chồng chéo với quy định tại các văn bản khác và với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên đã phù hợp hay chưa?

---

<sup>49</sup> Khoản 4 Điều 14 Luật BHVBQPPL quy định cấm: “Quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của HĐND, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này.”

- **Tính hợp lý:** Các bộ phận của TTHC được đánh giá tính hợp lý (lưu ý sự khác nhau giữa 02 trường hợp lập đề nghị xây dựng văn bản và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản) đã đầy đủ theo yêu cầu của Thông tư 03/2022/TT-BTP hay chưa? Các bộ phận có được xác định rõ ràng, cụ thể và hợp lý hay không? Ví dụ, tên TTHC có rõ ràng hay không? Đối tượng thực hiện, phạm vi áp dụng có nên thu hẹp hay không? Thẩm quyền của cơ quan giải quyết đã được xác định rõ ràng chưa? Có nên uỷ quyền hoặc phân cấp nữa hay không? Có thể lựa chọn cách thức thực hiện trực tuyến (điện tử) được không? Thành phần hồ sơ có được quy định rõ ràng?...
- **Sự phù hợp của chi phí tuân thủ:**
  - Với trường hợp lập đề nghị xây dựng văn bản: Báo cáo đã làm rõ về việc phải nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) hay chưa? Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) đã bảo đảm bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi cơ quan nhà nước giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức; bảo đảm cắt giảm tối đa chi phí không cần thiết cho cá nhân, tổ chức; có tính đến đặc điểm từng vùng miền, từng đối tượng thực hiện, từng lĩnh vực và thông lệ quốc tế hay chưa?
  - Với trường hợp soạn thảo dự án, dự thảo văn bản: Chi phí tuân thủ được tính ra trong Báo cáo đã đúng hay chưa? Ví dụ như các công việc được liệt kê trong các bước thực hiện TTHC đã phản ánh đúng nội dung của TTHC hay chưa? Số lần thực hiện/năm và số lượng đối tượng tuân thủ/năm đã được xác định đúng hay chưa? Còn hoạt động nào trên thực tế mà cá nhân, tổ chức phải triển khai trong quá trình thực hiện TTHC nhưng Báo cáo chưa tính đến? Mức thu nhập bình quân/giờ làm việc đã đúng theo hướng dẫn tại Thông tư 03/2022/TT-BTP hay chưa?...
- Báo cáo có sử dụng các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư 03/2022/TT-BTP hay không? Có sử dụng đúng loại biểu mẫu theo hướng dẫn tại Thông tư này với từng trường hợp hay không, bao gồm biểu mẫu dành cho việc ĐGTĐ trong lập đề nghị xây dựng văn bản (Phụ lục I, Thông tư 03/2022/TT-BTP) và trong soạn thảo dự án, dự thảo văn bản (Phụ lục II, Thông tư 03/2022/TT-BTP)?
- Có TTHC nào phát sinh trong chính sách mà chưa được ĐGTĐ hay không?

## TIÊU CHÍ 9: TÍNH THỐNG NHẤT, ĐỒNG BỘ CỦA HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ KHẢ NĂNG THI HÀNH, TUÂN THỦ PHÁP LUẬT



Phân phân tích tác động với hệ thống pháp luật của các chính sách đã cho thấy tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và khả năng thi hành, tuân thủ pháp luật hay chưa?

CHƯA ĐẠT

TƯƠNG ĐỐI

ĐẠT YÊU CẦU

Ghi chú (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

Gợi ý:

### • Tính thống nhất, đồng bộ:

- Báo cáo ĐGTĐCS đã rà soát và ĐGTĐ của chính sách với Hiến pháp, các Điều ước quốc tế và VBQPPL có liên quan hay chưa? Còn Điều ước quốc tế hay VBQPPL nào có liên quan tới nội dung chính sách nhưng chưa được đánh giá hay không?
- Các nội dung được đánh giá là chưa phù hợp/còn mâu thuẫn có đúng hay không? Báo cáo có chỉ rõ được điểm chưa phù hợp/còn mâu thuẫn hay không? Các phân tích có đúng hay không? (Ví dụ Báo cáo ĐGTĐCS kết luận rằng một giải pháp chính sách được đề xuất có điểm chưa phù hợp với một số VBQPPL trong các lĩnh vực khác, tuy nhiên không có các phân tích cụ thể; hoặc có phân tích cụ thể lý do mâu thuẫn nhưng khi đơn vị/người thẩm định đánh giá lại thì nhận thấy các nội dung này không mâu thuẫn...).
- Các nội dung được đánh giá là phù hợp/không mâu thuẫn có đúng hay không? Có giải pháp nào có khả năng tạo ra sự không phù hợp/mâu thuẫn với các văn bản hiện hành hay không? (Ví dụ Báo cáo nhận định rằng giải pháp chính sách phù hợp với tất cả các VBQPPL trong phạm vi rà soát, tuy nhiên đơn vị/người thẩm định nhận thấy vẫn còn có điểm chưa thực sự thống nhất giữa chính sách với một/một số VBQPPL nhất định...).

- **Khả năng thi hành, tuân thủ pháp luật:** Các nội dung ĐGTĐ đối với hệ thống pháp luật có dẫn chiếu lại các nội dung ĐGTĐ kinh tế, xã hội, TTHC có liên quan hay không? Các nội dung ĐGTĐ kinh tế, xã hội, TTHC cho thấy mức độ khả thi của chính sách như thế nào? (Ví dụ một chính sách trong lĩnh vực lao động dự kiến có tác động xã hội rất tốt, tuy nhiên chi phí tuân thủ rất lớn nên có thể không thực sự khả thi đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa...)

## TIÊU CHÍ 10: TÍNH TỐI ƯU CỦA GIẢI PHÁP ĐƯỢC KIẾN NGHỊ LỰA CHỌN VÀ TÍNH CHÍNH XÁC CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN BAN HÀNH CHÍNH SÁCH



Các giải pháp được kiến nghị lựa chọn có phải là giải pháp tối ưu trong số các giải pháp được đề xuất? Thẩm quyền ban hành chính sách trong các chính sách đã được xác định chính xác hay chưa?

CHƯA ĐẠT

TƯƠNG ĐỐI

ĐẠT YÊU CẦU

**Ghi chú** (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Gợi ý:**

- Báo cáo ĐGTĐCS có so sánh lợi ích, chi phí, tác động tích cực, tiêu cực giữa các giải pháp hay không? Việc so sánh có thực hiện đủ trên 05 nội dung ĐGTĐ kinh tế, xã hội, giới, hệ thống pháp luật, TTHC hay không? (Lưu ý nội dung về giới và TTHC không phải chính sách nào cũng có)
- Giải pháp được lựa chọn có phải là giải pháp có hiệu số/tỷ lệ lợi ích so với chi phí cao nhất trong số các phương án hay không? Nếu không phải thì lý do nào được đưa ra để lựa chọn giải pháp theo đề xuất? (Lưu ý rằng có nhiều trường hợp giải pháp có hiệu số/tỷ lệ lợi ích – chi phí cao nhất không phải là giải pháp tối ưu do không phải là giải pháp hợp lý, khả thi và hiệu quả nhất...)
- Giải pháp được kiến nghị lựa chọn có phải là giải pháp hợp lý, khả thi và hiệu quả nhất để giải quyết vấn đề bất cập, đạt được mục tiêu chính sách hay không? (Ví dụ có khả thi về nguồn lực, thời gian, phương pháp, công nghệ, hệ thống... hay không)
- Báo cáo ĐGTĐCS đã xác định thẩm quyền ban hành chính sách hay chưa? Thẩm quyền được xác định có phù hợp với quy định tại Chương II – Thẩm quyền ban hành, nội dung VBQPPL của Luật BHVBQPPL hay không?

## TIÊU CHÍ 11: SỰ PHÙ HỢP GIỮA NỘI DUNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH VỚI NHAU VÀ VỚI PHẦN XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN; SỰ PHÙ HỢP GIỮA TÊN VÀ NỘI DUNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH



Các chính sách tại phần Đánh giá tác động của chính sách có phù hợp với nhau và với phần Xác định vấn đề bất cập tổng quan hay không? Tên và nội dung của các chính sách đã phù hợp với nhau hay chưa?

CHƯA ĐẠT

TƯƠNG ĐỐI

ĐẠT YÊU CẦU

**Ghi chú** (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Gợi ý:**

- Nội dung của các chính sách được đánh giá tại **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** trong Báo cáo ĐGTĐCS có bị trùng lặp, chồng chéo, mâu thuẫn hay không? Các chính sách này có mối liên hệ với nhau hay không, có được trình bày một cách logic hay chưa? Có chính sách nào tham chiếu/sử dụng kết quả đánh giá của chính sách khác hay không (nếu có thì có phù hợp hay không)?
- Các vấn đề bất cập, mục tiêu giải quyết vấn đề bất cập trong các chính sách cụ thể tại **Phần II – Đánh giá tác động của chính sách** có tương thích với bối cảnh và mục tiêu xây dựng chính sách (bao gồm cả mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể) đã được nêu tại **Phần I – Xác định vấn đề bất cập tổng quan** của Báo cáo hay chưa? Có mục tiêu cụ thể nào được đề cập trong **Phần I** mà chưa đảm bảo đạt được thông qua các chính sách tại **Phần II** hay không? Có chính sách nào tại **Phần II** đặt ra các mục tiêu vượt quá so với mục tiêu tổng thể và cụ thể đã được nêu tại **Phần I** hay không?
- Tên của các chính sách được đặt ra đã phù hợp với bản chất, nội hàm của các chính sách hay chưa? Có tên chính sách nào không tương thích với nội dung của chính sách hay không? Có tên chính sách nào quá dài và có thể rút ngắn lại? Có tên chính sách nào có thể sửa đổi để rõ nghĩa hơn?

## TIÊU CHÍ 12: SỰ PHÙ HỢP CỦA VIỆC LẤY Ý KIẾN THAM VẤN



Việc lấy ý kiến tham vấn Báo cáo ĐGTĐCS đã phù hợp hay chưa?

CHƯA ĐẠT

TƯƠNG ĐỐI

ĐẠT YÊU CẦU

**Ghi chú** (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Gợi ý:**

- VBQPPL có các chính sách được đánh giá có thuộc các trường hợp phải lấy ý kiến đối với Dự thảo Báo cáo ĐGTĐCS hay không? Nếu có thì Báo cáo đã có các nội dung liên quan đến lấy ý kiến tham vấn dự thảo Báo cáo hay chưa?
- Phương pháp lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý được mô tả có phù hợp hay không? (Ví dụ còn đối tượng nào chịu tác động trực tiếp của chính sách nên được lấy ý kiến tham vấn mà chưa thực hiện? Phương thức lấy ý kiến tham vấn có phù hợp với đối tượng, địa bàn... hay không? Nội dung lấy ý kiến có phù hợp với nội dung của các chính sách được ĐGTĐ hay không?...)

## TIÊU CHÍ 13: SỰ PHÙ HỢP CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH CƠ QUAN THI HÀNH VÀ GIÁM SÁT



Các cơ quan thi hành và giám sát đã được xác định phù hợp hay chưa?

CHƯA ĐẠT

TƯƠNG ĐỐI

ĐẠT YÊU CẦU

**Ghi chú** (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Gợi ý:**

- Các cơ quan được xác định là cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách đã đầy đủ và chính xác hay không (xác định theo Luật Tổ chức Chính phủ 2015 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015)? Có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào không chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách nhưng vẫn được đề cập? Có cơ quan nào theo quy định phải tham gia vào việc tổ chức thi hành chính sách nhưng chưa được đề cập?
- Các cơ quan được xác định là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách đã đầy đủ và chính xác hay chưa (xác định theo Chủ thể giám sát trong Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015)? Có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào không chịu trách nhiệm giám sát đánh giá theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015 nhưng vẫn được đề cập trong Báo cáo ĐGTĐCS hay không?

**TIÊU CHÍ 14: TÍNH PHÙ HỢP TRONG VIỆC ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐGTĐCS; TÍNH CHÍNH XÁC VÀ TRUNG THỰC CỦA THÔNG TIN SỬ DỤNG TRONG BÁO CÁO ĐGTĐCS; VÀ TÍNH TUÂN THỦ VỀ MẶT HÌNH THỨC CỦA BÁO CÁO ĐGTĐCS**



Phương pháp ĐGTĐCS được áp dụng trong Báo cáo ĐGTĐCS đã phù hợp hay chưa? Thông tin sử dụng trong Báo cáo ĐGTĐCS đã chính xác và trung thực hay chưa? Báo cáo đã đảm bảo tuân thủ về mặt hình thức theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS hay chưa?

CHƯA ĐẠT

TƯƠNG ĐỐI

ĐẠT YÊU CẦU

**Ghi chú** (giải thích ngắn gọn lý do lựa chọn phương án Chưa/Tương đối/Đạt yêu cầu):

.....

.....

.....

.....

.....

**Gợi ý:**

- Báo cáo ĐGTĐCS có áp dụng phương pháp định lượng hay không?
  - Nếu CÓ áp dụng phương pháp định lượng thì dữ liệu định lượng (số liệu) có được phân tích rõ ràng và logic hay không?
  - Nếu KHÔNG áp dụng phương pháp định lượng thì có nêu rõ lý do hay không? Lý do đưa ra có phù hợp với thực tế khách quan (VD hạn chế về số liệu thống kê...) hay không?
- Báo cáo ĐGTĐCS có áp dụng phương pháp định tính hay không? Nếu có thì các lý giải, lập luận có được phân tích rõ ràng và logic hay không?
- Thông tin được sử dụng trong Báo cáo ĐGTĐCS có chính xác, trung thực hay không? (Ví dụ: Có sự xung đột nào khi đối chiếu lại với thông tin trong nguồn dữ liệu gốc được trích dẫn hay qua các nguồn thông tin khác có thể kiểm chứng được hay không? Có thông tin nào không còn cập nhật, phù hợp với thực tiễn hay không?..)
- Báo cáo ĐGTĐCS có trích dẫn đầy đủ các nguồn thông tin hay không? Các nguồn thông tin có phù hợp và đáng tin cậy hay không? (Ví dụ nguồn thông tin có phải từ nguồn số liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức có uy tín hay tạp chí khoa học đáng tin cậy... hay không?)
- Báo cáo ĐGTĐCS có tuân thủ theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS theo quy định hay không? (Ví dụ có thiếu nội dung/phần nào theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS hay không? Đã được ký, đóng dấu bởi cơ quan, tổ chức lập đề nghị, cơ quan chủ trì soạn thảo hay chưa?..)





# PHẦN C

## CÁC PHỤ LỤC



## PHỤ LỤC I – DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### A - NHÓM CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Luật BHVBQPPL 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020;
2. Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015;
3. Luật Tổ chức Chính phủ 2015;
4. Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015;
5. Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật BHVBQPPL;
6. Nghị định 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 34/2016/NĐ-CP;
7. Nghị định 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính;
8. Nghị định 48/2013/NĐ-CP sửa đổi Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;
9. Nghị định 92/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;
10. Thông tư 07/2014/TT-BTP hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính;
11. Thông tư 02/2017/TT-VPCP hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;
12. Thông tư 03/2022/TT-BTP hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;
13. Quyết định 2410/QĐ-BTP ngày 27/11/2017 của Bộ Tư pháp về thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

## B – NHÓM CÁC BÁO CÁO, TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

1. Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá tác động của chính sách của Bộ Tư pháp Việt Nam phối hợp với Cơ quan Phát triển Hoa Kỳ;
2. Danh mục kiểm tra khi Bộ Tư pháp thẩm định nội dung ĐGTĐCS về xã hội và ĐGTĐCS về giới trong đề nghị xây dựng VBQPPL/Dự thảo VBQPPL;
3. Danh mục tham chiếu về ĐGTĐ xã hội và giới trong quy trình xây dựng chính sách, VBQPPL của Bộ Tư pháp;
4. Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động xã hội và đánh giá tác động về giới của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội phối hợp với Tổ chức hợp tác quốc tế CHLB Đức;
5. Danh mục kiểm tra nội dung đánh giá tác động xã hội và giới trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội phối hợp với Tổ chức hợp tác quốc tế CHLB Đức;
6. Sách Xanh: Hướng dẫn của Chính phủ Trung ương về thẩm định và đánh giá (The Green Book: Central Government Guidance on Appraisal and Evaluation) của Kho bạc Vương quốc Anh (HM Treasury);
7. Sách Hồng: Hướng dẫn của Chính phủ Trung ương về đánh giá (Magenta Book: Central Government guidance on evaluation) của Kho bạc Vương quốc Anh (HM Treasury);
8. Hướng dẫn hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật (Better regulation framework: guidance) của Phòng Kinh doanh, Năng lượng và Chiến lược Công nghiệp, Vương quốc Anh (Department for Business, Energy and Industrial Strategy);
9. Hướng dẫn của ASEAN về Thực hành Quy định Tốt (ASEAN Guidelines on Good Regulatory Practices) của Ban thư ký ASEAN.
10. Sonyel Oflazoğlu (2017), So sánh nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng (Qualitative versus Quantitative Research);
11. PGS. TS. Phạm Duy Nghĩa – Khoa Luật, Đại học Kinh tế TP HCM (2014), Phương pháp nghiên cứu luật học;
12. W. Lawrence Neuman (2014), Các phương pháp nghiên cứu xã hội: phương thức định lượng và định tính (Social Research Methods: Qualitative and Quantitative Approaches);
13. Steven J. Taylor, Robert Bogdan, Marjorie L. DeVault (2016), Giới thiệu về phương pháp nghiên cứu định tính: sách hướng dẫn và tài liệu tham khảo (Introduction to qualitative research methods: a guidebook and resource).

## PHỤ LỤC II

### TỔNG HỢP MỘT SỐ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ PHÙ HỢP VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

#### 1. Kinh nghiệm quốc tế liên quan tới xác định vấn đề bất cập của chính sách

Trong *Sách Xanh*, nội dung có tính tương đồng nhất định với phần Xác định vấn đề bất cập trong mỗi chính sách (theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS tại Nghị định 154/2020/NĐ-CP) là nội dung về “Cơ sở can thiệp”, trong đó có nội dung phân tích về tình trạng “Giữ nguyên hiện trạng” (Business as Usual - BAU). Theo đó, việc phân tích Cơ sở can thiệp được xác định là bước đầu tiên trong quá trình ĐGTĐ. Tầm quan trọng của việc hiểu rõ bối cảnh xây dựng chính sách cũng được nhấn mạnh trong *Sách Xanh*<sup>(50)</sup>. Riêng các hướng dẫn về tình trạng “Giữ nguyên hiện trạng” của *Sách Xanh* thì tương thích hơn với các nội dung liên quan tới giải pháp giữ nguyên hiện trạng – một trong những giải pháp bắt buộc phải có theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS tại Nghị định 154/2020/NĐ-CP. Do đó, nội dung này sẽ được đề cập chi tiết tại phần kinh nghiệm quốc tế liên quan tới Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề được trình bày ở một số phần sau của Phụ lục này.

Khuyến nghị về việc xác định rõ vấn đề bất cập cũng được đề cập trong *Hướng dẫn của ASEAN về Thực hành Quy định Tốt* của Ban thư ký ASEAN<sup>(51)</sup>. Cụ thể, một trong sáu nguyên tắc cốt lõi của Thực hành Quy định Tốt theo Hướng dẫn của ASEAN là việc làm rõ cơ sở cho việc ban hành chính sách<sup>(52)</sup>. Ngoài ra, không phải mọi vấn đề bất cập đều cần đến sự can thiệp từ Nhà nước. Do đó, yếu tố đầu tiên được đề cập trong Thực hành Quy định Tốt là việc xác định các nhu cầu can thiệp bởi Nhà nước. Các vấn đề phải được xem xét một cách cẩn trọng, xác định rõ về bản chất, tầm quan trọng, và cả nguyên nhân dẫn tới vấn đề, từ đó mới cân nhắc về sự can thiệp từ phía Nhà nước<sup>(53)</sup>.

#### 2. Kinh nghiệm quốc tế liên quan tới xác định mục tiêu giải quyết vấn đề của chính sách

Theo *Sách Xanh*, việc xác định rõ ràng các mục tiêu chính sách là điều tối quan trọng trong quá trình xây dựng chính sách và phải đáp ứng tiêu chí nhất định – gọi tắt là **SMART** (gồm: Cụ thể (**S**pecific), Có thể đo lường (**M**easurable), Khả thi (**A**chievable), Thực tế (**R**ealistic), Có thời hạn (**T**ime-limited))<sup>(54)</sup>. Về bản chất, việc xác định rõ các mục tiêu theo tiêu chí SMART sẽ giúp hình dung rõ về các nhu cầu thay đổi - xuất phát trên cơ sở so sánh với tình trạng “Giữ nguyên hiện trạng”. Theo đó, “quãng đường” đi từ “Giữ nguyên hiện trạng” đến đích là các mục tiêu SMART chính là một khoảng trống sẽ được lấp đầy bởi các giải pháp chính sách được đề xuất và lựa chọn. Tương tự, việc xác định rõ những mục tiêu chính sách cũng là một trong sáu nguyên tắc cốt lõi của Thực hành Quy định Tốt theo *Hướng dẫn của ASEAN*, làm cơ sở cho việc nhận diện các giải pháp tại bước tiếp theo<sup>(55)</sup>.

<sup>(50)</sup> Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 5, trang 13.

<sup>(51)</sup> Hướng dẫn này bao gồm các khuyến nghị và ý kiến về việc áp dụng các nguyên tắc Thực hành Quy định Tốt trong việc soạn thảo và áp dụng các quy định kỹ thuật của Hiệp định về rào cản kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT), góp phần hỗ trợ các Quốc gia Thành viên ASEAN đáp ứng các nghĩa vụ theo Hiệp định TBT và cam kết với việc hiện thực hóa Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC). Xem thêm tại: <https://asean.org/wp-content/uploads/2017/09/ASEAN-Guidelines-on-Good-Regulatory-Practices2.pdf>.

<sup>(52)</sup> Ban thư ký ASEAN, Hướng dẫn của ASEAN về Thực hành Quy định Tốt, trang 2.

<sup>(53)</sup> Ban thư ký ASEAN, Hướng dẫn của ASEAN về Thực hành Quy định Tốt, trang 4.

<sup>(54)</sup> Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 20, trang 25 - 26.

<sup>(55)</sup> Ban thư ký ASEAN, Hướng dẫn của ASEAN về Thực hành Quy định Tốt, trang 2, trang 5.

### 3. Kinh nghiệm quốc tế liên quan tới xác định các giải pháp đề xuất của chính sách

Như đã đề cập tại một số nội dung phía trên, *Sách Xanh* có yêu cầu về việc phân tích tình trạng “Giữ nguyên hiện trạng”. Mục đích của việc phân tích tình trạng “Giữ nguyên hiện trạng” là nhằm xác định một tiêu chuẩn định lượng để so sánh với các đề xuất mang tính thay đổi. *Sách Xanh* cũng lưu ý rằng tình trạng “Giữ nguyên hiện trạng” không có nghĩa là “không làm gì cả”, bởi về bản chất việc tiếp tục thực hiện các nội dung quy định hiện tại sẽ dẫn tới những tác động/hậu quả và có phát sinh các chi phí nhất định<sup>(56)</sup>.

Việc xác định các giải pháp khác này có thể tham khảo thêm các hướng dẫn về lựa chọn một Danh sách rút gọn các giải pháp chính sách theo *Sách Xanh*. Theo *Sách Xanh*, bên cạnh giải pháp giữ nguyên trạng, có thể có một số loại giải pháp khác được căn cứ vào **phạm vi can thiệp** và mức độ tham vọng trong việc đạt được các mục tiêu đề ra. Ví dụ, có thể có giải pháp “Can thiệp tối thiểu” – đáp ứng các yêu cầu tối thiểu của mục tiêu được xác định; hoặc có các giải pháp với tham vọng lớn hơn, mong muốn đạt được mục tiêu đề ra trong thời gian ngắn hạn hơn nhưng sẽ kèm theo sự gia tăng về rủi ro và chi phí<sup>(57)</sup>.

### 4. Kinh nghiệm quốc tế liên quan tới phân tích tác động kinh tế của chính sách

Theo *Sách Xanh*, các Phân tích chi phí và lợi ích xã hội được sử dụng để ĐGTĐ nhằm mục đích so sánh các phương án có trong Danh sách rút gọn. Việc **xác định và định giá các chi phí và lợi ích** liên quan là trọng tâm của ĐGTĐ kinh tế. *Sách Xanh* cũng khẳng định chi phí và lợi ích phải được nhìn từ góc độ **toàn xã hội**, không chỉ từ khu vực công, và phải đánh giá đến **tất cả các đối tượng chịu tác động**<sup>(58)</sup>. Lợi ích và chi phí cũng là một vấn đề được hướng dẫn trong *Sách Hồng: Hướng dẫn của Chính phủ Trung ương về đánh giá (Magenta Book: Central Government guidance on evaluation)* của Kho bạc Vương quốc Anh<sup>59</sup>. Trong *Sách Hồng*, Đánh giá giá trị đồng tiền là một nhóm phương pháp đánh giá tập trung vào **so sánh lợi ích với chi phí** của các biện pháp được đề xuất, bao gồm cả các khía cạnh bất lợi và không mong muốn<sup>(60)</sup>.

### 5. Kinh nghiệm quốc tế liên quan tới phân tích tác động về giới của chính sách

ĐGTĐ về giới cũng là một trong những nội dung đánh giá trong *Sách Xanh*. Cụ thể, vấn đề bình đẳng phải được xem xét ở giai đoạn xác định một Danh sách dài và một Danh sách rút gọn các giải pháp chính sách. Việc xem xét vấn đề bình đẳng được thực hiện theo quy định về Nghĩa vụ bình đẳng trong khu vực công, trong đó bao gồm cả việc đảm bảo bình đẳng về giới<sup>(61)</sup>. Các cơ quan, tổ chức trong khu vực công phải quan tâm đến việc thúc đẩy bình đẳng đối với các nhóm cá nhân có đặc điểm được bảo vệ theo quy định của Đạo luật Bình đẳng năm 2010 của Vương Quốc

---

<sup>(56)</sup> Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 25.

<sup>(57)</sup> Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 36.

<sup>(58)</sup> Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 8, trang 40.

<sup>(59)</sup> Tài liệu này cung cấp hướng dẫn về đánh giá trong Chính phủ Vương quốc Anh, bao gồm hướng dẫn cụ thể về xác định phạm vi, mô hình, các vận dụng, yêu cầu năng lực cần thiết của những người đánh giá và những vấn đề khác cần xem xét trong quy trình này. Xem tại: [https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment\\_data/file/87943/8/HMT\\_Magenta\\_Book.pdf](https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/87943/8/HMT_Magenta_Book.pdf).

<sup>(60)</sup> Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Hồng*, trang 49.

<sup>(61)</sup> Nghĩa vụ bình đẳng trong khu vực công là quy định được xây dựng và ban hành từ Đạo luật bình đẳng năm 2010, trong đó gồm 09 đặc điểm được bảo vệ: độ tuổi; tình trạng khuyết tật, chuyển đổi giới tính; thai sản; chủng tộc; tôn giáo hoặc tín ngưỡng; giới tính và xu hướng tình dục. Xem tại: <https://www.equalityhumanrights.com/en/advice-and-guidance/public-sector-equality-duty#h1>.

Anh<sup>(62)</sup>. Vì vậy, cần phân tích sự bình đẳng khi xem xét Danh sách rút gọn các phương án chính sách, đánh giá khả năng và mức độ tác động của các phương án đến các nhóm đối tượng và khu vực cụ thể. Trong trường hợp các thông tin, dữ liệu, bằng chứng liên quan đến các tác động không rõ ràng, đầy đủ, cần tiến hành tham vấn và nghiên cứu thêm để đưa ra nhận định tương xứng<sup>(63)</sup>.

## 6. Kinh nghiệm quốc tế liên quan tới xác định giải pháp chính sách được lựa chọn

Theo *Sách Xanh*, việc lựa chọn giải pháp tối ưu cũng được thực hiện trên cơ sở **so sánh các phương án thay thế** trong Danh sách rút gọn với phương án “Giữ nguyên hiện trạng”. Việc lựa chọn giải pháp tối ưu căn cứ vào một số yếu tố như Phân tích lợi ích chi phí xã hội<sup>(64)</sup>, các chi phí và lợi ích không định giá được bằng tiền, các rủi ro...<sup>(65)</sup>. Các nội dung này cũng được đề cập trong *Hướng dẫn hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật*<sup>(66)</sup>. Hướng dẫn này khẳng định: “Các nguyên tắc phân tích lợi ích chi phí, như được nêu trong *Sách Xanh*, nên được sử dụng trong việc xây dựng và thẩm định tất cả các chính sách”<sup>(67)</sup>.

## 7. Kinh nghiệm quốc tế liên quan tới lấy ý kiến tham vấn chính sách

Nội dung lấy ý kiến tham vấn cũng được nhấn mạnh trong *Sách Xanh*. Theo đó, để có thể thực hiện phân tích và đánh giá các phương án, đề xuất được đưa ra thì cần tổ chức các cuộc hội thảo có sự tham gia của các chuyên gia và các bên có liên quan. Từ đó, có thể thu thập được các kết quả nghiên cứu, lời khuyên và các kinh nghiệm, kiến thức của các chuyên gia và các bên có liên quan, hỗ trợ cho việc đánh giá và lựa chọn các phương án chính sách<sup>(68)</sup>. Bên cạnh đó, cũng theo *Sách Xanh*, việc tham vấn ý kiến của chuyên gia và các bên liên quan nên được tiến hành từ những giai đoạn đầu của quá trình ĐGTĐ. Điều này sẽ giúp cơ quan soạn thảo có cái nhìn rõ hơn về thực tiễn và giúp hoàn thiện hơn nội dung chính sách, đồng thời có sự thống nhất với các chính sách có liên quan, từ đó gia tăng tính hiệu quả, hạn chế lãng phí thời gian, chi phí trong quá trình ĐGTĐ<sup>(69)</sup>.

*Hướng dẫn của ASEAN về Thực hành Quy định Tốt* cũng khẳng định các quy trình tham vấn là nền tảng của của việc Thực hành Quy định Tốt và là tiền đề chính để các quy định được chấp nhận rộng rãi và do đó có thể thực thi được. Các cơ quan quản lý nên nỗ lực để đảm bảo rằng các bên quan tâm và bị ảnh hưởng có cơ hội tham gia các cuộc tham vấn có ý nghĩa ở tất cả các giai đoạn soạn thảo, thực hiện và đánh giá các quy định. Tốt nhất hoạt động tham vấn nên được lồng

<sup>(62)</sup> Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 27.

<sup>(63)</sup> Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 54.

<sup>(64)</sup> Có thể thực hiện bằng phương pháp xác định Giá trị xã hội hiện tại ròng hoặc Tỷ lệ Chi phí - lợi ích.

<sup>(65)</sup> Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 39 - 56.

<sup>(66)</sup> Hướng dẫn Khung hoàn thiện quy định pháp luật (*Better regulation framework: guidance*) là một tài liệu nội bộ dành cho các cơ quan thuộc Chính phủ Vương quốc Anh nhằm hỗ trợ việc thực hiện và tuân thủ các khía cạnh của Khung hoàn thiện quy định pháp luật. Cụ thể, Hướng dẫn đặt ra các quy trình, hướng dẫn tự thẩm định mà các cơ quan và nhân viên Chính phủ phải thực hiện để đảm bảo Khung hoàn thiện quy định pháp luật. Các hướng dẫn trong quá trình xây dựng chính sách được chia theo thứ tự các giai đoạn trong quá trình xây dựng chính sách (từ phát triển chính sách, ĐGTĐCS, thẩm định (tuỳ trường hợp), cho đến công bố, trước và sau áp dụng). Xem tại: [https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment\\_data/file/916918/better-regulation-guidance.pdf](https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/916918/better-regulation-guidance.pdf).

<sup>(67)</sup> Phòng Kinh doanh, Năng lượng và Chiến lược Công nghiệp, Vương quốc Anh, *Hướng dẫn Khung hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật*, trang 11.

<sup>(68)</sup> Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 8.

<sup>(69)</sup> Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 20.

ghép với tất cả các giai đoạn xây dựng chính sách, bao gồm cả việc lựa chọn công cụ đáp ứng tốt nhất mục tiêu chính sách công (VBQPPL/văn bản khác/cơ chế tự nguyện thực thi...). Hướng dẫn của ASEAN cũng tham chiếu tới 05 phương thức thực hiện tham vấn cộng đồng được xác định bởi Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), bao gồm: (i) Tham vấn không chính thức (trao đổi qua các cuộc gọi, email và sử dụng các nền tảng tham vấn trực tuyến...); (ii) Chia sẻ các đề xuất để lấy ý kiến công chúng; (iii) Thông báo và bình luận công khai; (iv) Điều trần công khai; (v) Sử dụng các cơ quan tư vấn (có sự tham gia của các cơ quan chuyên môn có liên quan)<sup>(70)</sup>

## 8. Kinh nghiệm quốc tế liên quan tới giám sát và đánh giá chính sách

Quy trình Giám sát và đánh giá tại *Sách Xanh* có điểm khác biệt nhất định với việc giám sát đánh giá tại Việt Nam. Theo đó, Giám sát và đánh giá theo hướng dẫn này được xác định là một quy trình xuyên suốt của quá trình xây dựng, thực thi và cả sau khi ban hành chính sách, và được triển khai ngay từ giai đoạn đầu tiên của quy trình xây dựng chính sách<sup>(71)</sup>. Liên quan tới việc giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách như Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS của Việt Nam, *Hướng dẫn Khung hoàn thiện quy định pháp luật* có đưa ra hướng dẫn về việc thực hiện một đánh giá sau khi ban hành và thực thi quy định pháp luật - gọi tắt là PIR (**P**ost-**I**mplementation **R**eview). Các đánh giá này chủ yếu được thực hiện với mục tiêu xem xét liệu các mục tiêu đặt ra khi ban hành chính sách/quy định đã đạt được hay chưa, các mục tiêu này còn phù hợp và có giá trị hay không, và liệu các mục tiêu đó có thể đạt được thông qua các phương thức khác tiết kiệm và đơn giản hơn?<sup>(72)</sup>

---

<sup>(70)</sup> Ban thư ký ASEAN, Hướng dẫn của ASEAN về Thực hành Quy định Tốt, trang 10, trang 11.

<sup>(71)</sup> Kho bạc Vương quốc Anh, *Sách Xanh*, trang 71.

<sup>(72)</sup> Phòng Kinh doanh, Năng lượng và Chiến lược Công nghiệp, Vương quốc Anh, *Hướng dẫn Khung hoàn thiện quy định pháp luật*, trang 17.

## PHỤ LỤC III - BẢNG SO SÁNH PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG VÀ ĐỊNH TÍNH

TT	Tiêu chí	Phương pháp nghiên cứu định lượng (NCĐL)	Phương pháp nghiên cứu định tính (NCĐT)
1	<b>Tổng số mẫu và phương pháp lấy mẫu</b> <sup>(73)</sup>	Yêu cầu số lượng mẫu nghiên cứu lớn. Các đối tượng nghiên cứu có thể được chọn lựa ngẫu nhiên.	Số lượng mẫu nghiên cứu thường ít hơn. Đối tượng nghiên cứu được lựa chọn có chủ đích.
2	<b>Thu thập dữ liệu</b> <sup>(74)</sup>	Thường sử dụng một số phương thức bao gồm: thực nghiệm, khảo sát, các hình thức khác như phân tích nội dung, phân tích dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu số liệu thống kê sẵn có. Thường được thực hiện theo khung phân tích, mẫu câu hỏi cố định.	Thường sử dụng một số phương thức khảo sát thực địa như nghiên cứu dân tộc học, quan sát đối tượng, phỏng vấn sâu. Thường thực hiện chủ yếu dựa trên quan sát và phỏng vấn sâu, có thể được điều chỉnh để phù hợp với từng đối tượng nghiên cứu và hoàn cảnh cụ thể.
3	<b>Đặc tính dữ liệu</b> <sup>(75)</sup>	Là dữ liệu cứng dạng số.	Là dữ liệu mềm, bao gồm: từ, câu, ảnh, ký hiệu,... và tương đối chi tiết, phong phú và phức tạp (mức độ tùy vào từng nghiên cứu).
4	<b>Đặc điểm phương pháp</b> <sup>(76)</sup>	NCĐL chủ yếu dựa vào các nguyên tắc thực chứng, nhấn mạnh vào tính chính xác của các biến số để kiểm định giả thuyết.	NCĐT chủ yếu được thực hiện dựa vào việc dẫn giải hoặc phê bình với trọng tâm là tiến hành nghiên cứu các trường hợp đặc thù phát sinh trong đời sống xã hội.
5	<b>Mục đích tiến hành</b> <sup>(77)</sup>	NCĐL tập trung vào đánh giá, khẳng định hoặc phủ định một giả thuyết có sẵn cũng như vào hệ quả/hậu quả mang tính phổ biến.	NCĐT được thực hiện nhằm phân tích sâu và lý giải về hiện tượng, sự việc bằng cách thu thập góc nhìn, quan điểm, kinh nghiệm của đối tượng nghiên cứu.
6	<b>Phân tích và diễn giải số liệu</b> <sup>(78)</sup>	Sử dụng các phương pháp tính toán thống kê (ví dụ: phần mềm thống kê khoa học xã hội (SPSS), mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM)). Việc nghiên cứu thường dựa trên những giả thuyết có sẵn.	Sử dụng phương pháp trích dẫn và nêu ý nghĩa (ví dụ: phân tích nội dung mô tả, phần mềm Nvivo). Việc phân tích vẫn giữ nguyên tính phức tạp và độc nhất của từng mẫu và cho phép vận dụng các giả thuyết được phát hiện trong quá trình phân tích và diễn giải.
7	<b>Kết quả và báo cáo</b> <sup>(79)</sup>	Mang tính khái quát và đại diện cao. Có thể giúp dự báo tương lai và thường được trình bày dưới cách viết khách quan của người quan sát độc lập.	Mang tính chuyên sâu với mô tả chi tiết về hiện tượng được nghiên cứu trong phạm vi góc nhìn và quan điểm của đối tượng nghiên cứu, ít mang tính đại diện.

<sup>(73)</sup> Sonyel Oflazoğlu (2017), *So sánh nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng*, Chương 1.

<sup>(74)</sup> PGS. TS. Phạm Duy Nghĩa - Khoa Luật, Đại học Kinh tế TP HCM (2014), *Phương pháp nghiên cứu luật học*, trang 84 - 87; Sonyel Oflazoğlu (2017), sđd, Lời nói đầu; W. Lawrence Neuman (2014), *Các phương pháp nghiên cứu xã hội: phương thức định lượng và định tính*, trang 46 - 53.

<sup>(75)</sup> W. Lawrence Neuman (2014), sđd, trang 167; Sonyel Oflazoğlu (2017), sđd, Lời nói đầu.

<sup>(76)</sup> W. Lawrence Neuman (2014), sđd, trang 167 - 168.

<sup>(77)</sup> PGS. TS. Phạm Duy Nghĩa (2014), sđd, trang 84 - 87; W. Lawrence Neuman (2014), sđd, trang 168; Steven J. Taylor, Robert Bogdan, Marjorie L. DeVault (2016), *Giới thiệu về phương pháp nghiên cứu định tính: sách hướng dẫn và tài liệu tham khảo*, trang 8.

<sup>(78)</sup> Sonyel Oflazoğlu (2017), sđd, Lời nói đầu.

<sup>(79)</sup> Sonyel Oflazoğlu (2017), sđd, Lời nói đầu; PGS. TS. Phạm Duy Nghĩa (2014), sđd, trang 84 - 87.